

ĐẠI HỌC HUẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ HUẾ
KHOA KINH TẾ & PHÁT TRIỂN



KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

**HIỆU QUẢ KINH TẾ CANH TÁC LẠC Ở PHƯỜNG
HƯƠNG AN, THỊ XÃ HƯƠNG TRÀ
TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

NGUYỄN THỊ HỒNG YẾN

Huế, tháng 5 năm 2016

ĐẠI HỌC HUẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ HUẾ
KHOA KINH TẾ & PHÁT TRIỂN



KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

**HIỆU QUẢ KINH TẾ CẠNH TÁC LẠC Ở PHƯỜNG
HƯƠNG AN, THỊ XÃ HƯƠNG TRÀ,
TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

Sinh viên thực hiện:

Nguyễn Thị Hồng Yến

Lớp: K46C - KTNN

Niên khóa: 2012 – 2016

Giảng viên hướng dẫn:

ThS. Lê Sỹ Hùng

Huế, tháng 5 năm 2016

LỜI CẢM ƠN

Để hoàn thành khóa luận tốt nghiệp này tôi ngoài sự nỗ lực của bản thân kết hợp với sự giúp đỡ từ các tổ chức và cá nhân. Tôi xin chân thành cảm ơn:

Quý thầy cô trường Đại Học Kinh Tế Huế, đã dạy bảo tận tình và cho tôi những kiến thức quý giá trong suốt bốn năm học vừa qua. Tạo điều kiện để tôi học tập và nghiên cứu trau dồi vốn hiểu biết của mình. Đặc biệt tôi xin gửi lời cảm ơn sâu sắc nhất đến Thầy Lê Sỹ Hùng người đã trực tiếp hướng dẫn, chỉ bảo tận tình để tôi hoàn thành khóa luận tốt nghiệp này.

Các cô chú trong Hợp Tác Xã Hương An đã tạo mọi điều kiện cho tôi thu thập một số thông tin và các số liệu cần thiết cũng như các hộ gia đình tôi chọn điều tra đã tận tình giúp đỡ tôi hoàn thành đề tài nghiên cứu.

Gia đình, hàng xóm láng giềng, bạn bè là những người thân cận nhất đã động viên và giúp đỡ tôi vượt qua mọi khó khăn trong học tập cũng như trong cuộc sống hàng ngày để tôi vượt qua mọi trở ngại.

Xin chân thành cảm ơn!

MỤC LỤC

	Trang
PHẦN I: PHẦN MỞ ĐẦU	1
1. Tính cấp thiết của đề tài.....	1
2. Mục tiêu nghiên cứu của đề tài.....	1
3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu	2
4. Phương pháp nghiên cứu	2
5. Bố cục đề tài nghiên cứu	2
PHẦN II: NỘI DUNG VÀ KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU.....	4
CHƯƠNG I: CƠ SỞ KHOA HỌC CỦA VẤN ĐỀ NGHIÊN CỨU	4
1.1 Lý luận chung về hiệu quả kinh tế.....	4
1.1.1 Khái niệm hiệu quả kinh tế.....	4
1.1.2 Bản chất của hiệu quả kinh tế.....	5
1.1.3 Ý nghĩa của việc xác định hiệu quả kinh tế trong sản xuất nông nghiệp.....	6
1.1.4 Các quan điểm về hiệu quả kinh tế.....	6
1.2. Phân loại hiệu quả kinh tế	7
1.3 Hệ thống chỉ tiêu đánh giá.....	8
1.4 Nguồn gốc, xuất xứ cây lạc	9
1.5 Giá trị dinh dưỡng và giá trị kinh tế	10
1.6 Các nhân tố ảnh hưởng đến kết quả và hiệu quả sản xuất lạc	12
1.6.1 Đất đai.....	12
1.6.2 Thị trường và giá cả tiêu thụ	12
1.6.3 Vốn	13
1.6.4 Kỹ thuật chăm sóc	13
1.7 Cơ sở thực tiễn.....	14
1.7.1 Tình hình sản xuất lạc tại Việt Nam.....	14
1.7.2 Tình hình sản xuất lạc tại Thừa Thiên Huế	15
CHƯƠNG II: MỘT SỐ ĐẶC ĐIỂM CƠ BẢN CỦA ĐỊA BÀN NGHIÊN CỨU..	17
2.1 Điều kiện tự nhiên	17

2.1.1 Vị trí địa lý.....	17
2.1.2 Đất đai.....	17
2.1.3 Dân số, lao động	19
2.2 Tình hình kinh tế - xã hội của Phường giai đoạn 2013-2015	21
2.2.1 Về phát triển kinh tế	21
2.2.2 Đặc điểm văn hóa - xã hội	23
2.3 Thuận lợi, khó khăn của các hộ nông dân trong hoạt động sản xuất lạc.....	23
CHƯƠNG III: HIỆU QUẢ KINH TẾ CANH TÁC CÂY LẠC CỦA PHƯỜNG HƯƠNG AN, THỊ XÃ HƯƠNG TRÀ TỈNH THỪA THIÊN HUẾ	26
3.1 Khái quát chung về tình hình sản xuất lạc của phường giai đoạn 2013-2015.....	26
3.2 Kết quả và hiệu quả sản xuất lạc của các hộ điều tra	29
3.2.1 Tình hình nhân khẩu, lao động của các hộ điều tra.....	29
3.2.2 Tình hình trang bị tư liệu sản xuất của các nông hộ.....	31
3.2.3 Chi phí sản xuất của các hộ điều tra	32
3.2.4 Diện tích, năng suất, sản lượng lạc của các hộ điều tra năm 2015.....	37
3.2.5 Kết quả và hiệu quả sản xuất lạc của các hộ điều tra 2015	37
3.3 Phân tích ảnh hưởng các nhân tố tới sản xuất lạc	38
3.3.1 Ảnh hưởng của chi phí trung gian đến kết quả và hiệu quả canh tác lạc	38
3.3.2 Ảnh hưởng của quy mô diện tích đến kết quả và hiệu quả canh tác lạc	41
3.3.3 Ảnh hưởng của việc áp dụng khoa học – kỹ thuật	42
3.4 Tình hình tiêu thụ lạc của các hộ điều tra.....	43
CHƯƠNG IV: ĐỊNH HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP NHẪM NÂNG CAO HIỆU QUẢ CANH TÁC LẠC	45
4.1 Định hướng	45
4.2 Giải pháp.....	45
4.2.1 Giải pháp về giống.....	45
4.2.2 Giải pháp về chuyển giao tiến bộ KHKT	46
4.2.3 Giải pháp về xây dựng cơ sở hạ tầng	47
4.2.4 Giải pháp về thị trường tiêu thụ.....	48
4.2.5 Giải pháp về bảo trợ sản xuất	48

4.2.6 Giải pháp về chính sách.....	49
PHẦN III: KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ	50
5.1 Kết luận.....	50
5.2 Kiến nghị	50
TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	52

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

CHỮ VIẾT TẮT	DIỄN GIẢI
ĐVT	Đơn vị tính
BQC	Bình quân cộng
BQ	Bình quân
KHKT	Khoa học kỹ thuật
HTX	Hợp tác xã
BVTV	Bảo vệ thực vật
HQKT	Hiệu quả kinh tế
TTCN	Tiêu thủ công nghiệp

DANH MỤC CÁC BẢNG

	Trang
Bảng 1: Tình hình sản xuất lạc tại Việt Nam qua 3 năm (2012 - 2014)	14
Bảng 2: Diện tích, năng suất, sản lượng lạc tại Thừa Thiên Huế giai đoạn 2012-2014	15
Bảng 3: Cơ cấu đất đai trên địa bàn phường qua các năm 2013-2015.....	18
Bảng 4: Tình hình hộ, khẩu và lao động của phường qua 3 năm.....	20
Bảng 5: Cơ cấu tổng giá trị sản xuất của phường qua 3 năm 2013 - 2015	22
Bảng 6: Diện tích, năng suất, sản xuất lạc trên địa bàn phường giai đoạn 2013 - 2015	26
Bảng 7: Diện tích, sản lượng lạc của các đội sản xuất năm 2015	28
Bảng 8: Tình hình nhân khẩu và lao động của các hộ điều tra.....	29
Bảng 9: Tình hình trang bị tư liệu sản xuất bình quân 1 hộ điều tra.....	31
Bảng 10: Chi phí tự có bình quân 1 sào của các hộ điều tra	33
Bảng 11: Bảng giá vật tư, lao động	34
Bảng 12: Chi phí trung gian canh tác 1 sào lạc của các hộ điều tra	35
Bảng 13: Bảng diện tích, năng suất, sản lượng lạc tính bình quân/hộ	37
Bảng 14: Kết quả và hiệu quả canh tác lạc của các hộ điều tra.....	38
Bảng 15: Ảnh hưởng của chi phí trung gian đến kết quả và hiệu quả canh tác lạc	39
Bảng 16: Ảnh hưởng của quy mô diện tích đến kết quả và hiệu quả canh tác lạc	41
Bảng 17: Tình hình tiêu thụ lạc của các hộ điều tra	44

TÓM TẮT NGHIÊN CỨU



1. Tính cấp thiết của đề tài

Ngoài cây lúa là cây trồng chính, cây lạc cũng đem lại năng suất cao cho bà con nông dân ở phường Hương An, thị xã Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên Huế. Lạc là nguyên liệu đầu vào chính cho nhiều ngành công nghiệp chế biến như: ép lấy dầu ăn là sản phẩm rất tốt cho tim mạch, là nguyên liệu trong sản xuất bánh kẹo, trong chế biến thực phẩm...Có nhiều giá trị trong nông nghiệp lẫn công nghiệp.

Là một phường ven đô nằm ở phía nam của thị xã Hương Trà, người dân Hương An chủ yếu là nông dân, sản xuất nông nghiệp là ngành nghề chính. Nhưng theo xu hướng của nền kinh tế hiện nay, nhiều người đã bỏ ruộng, bỏ vườn để chuyển sang hướng kinh doanh mới có thu nhập cao hơn. Nông nghiệp không còn được chú trọng, người dân không còn mặn mà với ruộng đồng nữa, tại sao lại như vậy. Để hiểu rõ hơn điều này, tôi chọn đề tài thuộc lĩnh vực nông nghiệp là: ***“Hiệu quả kinh tế canh tác lạc ở phường Hương An, thị xã Hương Trà tỉnh Thừa Thiên Huế”*** để nghiên cứu và đánh giá.

2. Mục tiêu nghiên cứu

- Hệ thống hóa các vấn đề lý luận và thực tiễn về hiệu quả kinh tế canh tác lạc.
- Đánh giá kết quả, hiệu quả kinh tế canh tác lạc năm 2015 thông qua các chỉ tiêu trên địa bàn phường Hương An, thị xã Hương Trà tỉnh Thừa Thiên Huế.
- Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến kết quả, hiệu quả của các hộ sản xuất lạc.
- Đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả canh tác lạc trên địa bàn phường trong thời gian tới.

3. Dữ liệu phân tích và phương pháp nghiên cứu

- *Dữ liệu phân tích*

+ Thông tin thu thập từ HTX NN Hương An, thị xã Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên Huế.

+ Số liệu thu thập được từ các hộ điều tra thông qua hình thức phỏng vấn 45 hộ canh tác lạc ở địa bàn phường bằng cách xây dựng các phiếu điều tra căn cứ vào nội dung nghiên cứu.

+ Sách báo, tạp chí, luận văn, các báo cáo... có liên quan đến đề tài nghiên cứu.

- *Phương pháp nghiên cứu*

+ Phương pháp thu thập số liệu

+ Phương pháp thống kê

+ Phương pháp so sánh

4. Các kết quả nghiên cứu đạt được

+ Phân tích được kết quả và hiệu quả canh tác lạc trên địa bàn phường mùa vụ Đông Xuân năm 2015 của các hộ điều tra.

+ Nhận thấy rằng các hộ dân sản xuất lạc trên địa bàn phường đều sử dụng giống lạc L14 vào sản xuất đại trà và cho năng suất tương đối cao.

+ Nhận biết được những thuận lợi và khó khăn trong quá trình canh tác lạc của người dân.

+ Đưa ra các giải pháp thúc đẩy phát triển nhằm nâng cao hiệu quả canh tác lạc.

PHẦN I: PHẦN MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Để đáp ứng mục tiêu phát triển nền nông nghiệp đa dạng và bền vững, cung cấp lương thực, thực phẩm cho xã hội cũng như nguyên liệu cho công nghiệp chế biến và xuất khẩu. Trong những năm gần đây, nước ta chú trọng phát triển các cây công nghiệp có giá trị kinh tế cao, đáp ứng nhu cầu trong nước và xuất khẩu. Trong các sản phẩm nông nghiệp, lạc là một trong những cây công nghiệp ngắn ngày có giá trị kinh tế cao và được nhiều người nông dân lựa chọn sản xuất. Lạc không chỉ phổ biến trên khắp nước ta mà còn rất nhiều nước khác trên thế giới.

Tỉnh Thừa Thiên Huế nói chung và phường Hương An, thị xã Hương Trà nói riêng có tiềm năng phát triển nông nghiệp, đặc biệt là ngành trồng trọt. Trong đó, cây lạc là một trong những cây trồng chủ lực của người dân nơi đây.

Mặc dù phường có nhiều điều kiện thuận lợi trong việc phát triển và mở rộng qui mô, đưa cây lạc phát triển đúng với tiềm năng và thế mạnh của địa phương nhưng trong những năm gần đây, qui mô và năng suất lạc tăng chậm. Trên cơ sở đánh giá lại tình hình sản xuất lạc tại địa phương trong thời gian qua, nhằm đưa lại những giải pháp hợp lý hơn trong sản xuất nhằm nâng cao năng suất và hiệu quả sản xuất lạc, góp phần tăng thu nhập, cải thiện đời sống cho nhân dân. Đó là lý do tôi thực hiện đề tài nghiên cứu: ***“Hiệu quả kinh tế canh tác lạc ở phường Hương An, thị xã Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên Huế”*** làm khóa luận tốt nghiệp của mình.

Do trình độ của bản thân có hạn nên nội dung đề tài sẽ không tránh khỏi những thiếu sót. Vì vậy tôi rất mong được sự đóng góp ý kiến của quý thầy cô giáo, các cán bộ lãnh đạo phường và bà con nông dân trong địa phương để nội dung đề tài đạt kết quả tốt hơn.

2. Mục tiêu nghiên cứu của đề tài

- Hệ thống hóa các vấn đề lý luận và thực tiễn về hiệu quả kinh tế canh tác lạc.

- Đánh giá kết quả và hiệu quả sản xuất lạc vụ Đông Xuân năm 2015 của các hộ nông dân ở phường Hương An, thị xã Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến kết quả, hiệu quả của các hộ sản xuất lạc.

- Đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất lạc trên địa bàn nghiên cứu.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

- Đối tượng nghiên cứu:

Đối tượng nghiên cứu của đề tài là hoạt động sản xuất lạc của các nông hộ trên địa bàn phường Hương An, thị xã Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên Huế năm 2015.

- Phạm vi không gian: Điều tra tình hình sản xuất lạc của các nông hộ ở phường Hương An, thị xã Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Phạm vi thời gian: Thu thập số liệu thứ cấp qua 3 năm (2013- 2015), và số liệu sơ cấp năm 2015.

4. Phương pháp nghiên cứu

- Phương pháp phân tích thống kê: thống kê, thống kê so sánh, phương pháp phân tích tình hình sản xuất lạc của các nông hộ trên địa bàn phường.

- Phương pháp điều tra, thu thập thông tin, số liệu:

* Số liệu thứ cấp: số liệu công bố trên báo, mạng internet và từ các báo cáo tình hình kinh tế - xã hội của phường Hương An qua các năm...

* Số liệu sơ cấp: Điều tra phỏng vấn trực tiếp 45 hộ nông dân trồng lạc của địa bàn nghiên cứu.

5. Bộ cục đề tài nghiên cứu

Phần 1: Đặt vấn đề

Phần 2: Nội dung và kết quả nghiên cứu

Chương 1: Cơ sở khoa học của vấn đề nghiên cứu

Chương 2: Một số đặc điểm cơ bản của địa bàn nghiên cứu

Chương 3: Hiệu quả kinh tế canh tác cây lạc của phường Hương An, thị xã Hương Trà tỉnh Thừa Thiên Huế

Chương 4: Định hướng và giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả canh tác lạc

Phần 3: Kết luận và kiến nghị

PHẦN II: NỘI DUNG VÀ KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

CHƯƠNG I: CƠ SỞ KHOA HỌC CỦA VẤN ĐỀ NGHIÊN CỨU

1.1 Lý luận chung về hiệu quả kinh tế

1.1.1 Khái niệm hiệu quả kinh tế

Đối với một doanh nghiệp, một cơ sở kinh doanh nào khi kinh doanh một mặt hàng hay sản phẩm nào thì mục tiêu quan tâm nhất đều hướng tới lợi nhuận. Vậy muốn có được lợi nhuận cao thì yêu cầu hoạt động của doanh nghiệp hay cơ sở đó phải đạt được hiệu quả kinh tế. Thực chất cho thấy hiệu quả kinh tế không chỉ là mối quan tâm của các doanh nghiệp và các cơ sở kinh doanh mà là sự quan tâm của hầu hết các thành phần kinh tế và của xã hội.

Hiệu quả kinh tế là mối quan tâm cao nhất của kinh tế học nói chung và kinh tế vi mô nói riêng. Theo quan điểm của kinh tế học vi mô thì hiệu quả kinh tế có những vấn đề cơ bản như sau: Hiệu quả kinh tế là tất cả những quyết định sản xuất cái gì trên đường giới hạn năng lực sản xuất là có hiệu quả vì nó tận dụng hết nguồn lực. Số lượng hàng hóa đạt được trên đường giới hạn của năng lực sản xuất càng lớn càng có hiệu quả cao. Sự thỏa mãn tối đa về mặt hàng, chất lượng, số lượng hàng hóa theo nhu cầu thị trường trong giới hạn của đường năng lực sản xuất cho ta đạt được hiệu quả kinh tế cao nhất. Kết quả trên một đơn vị chi phí càng lớn hoặc chi phí trên một đơn vị kết quả càng nhỏ thì hiệu quả kinh tế càng cao.

Theo GS – TS Ngô Đình Giao: Hiệu quả kinh tế là tiêu chuẩn cao nhất của mọi sự lựa chọn kinh tế của các doanh nghiệp trong nền kinh tế thị trường có sự quản lý của nhà nước.

Theo quan điểm của Farrell (1957): Hiệu quả kinh tế là một phạm trù kinh tế mà trong đó sản xuất phải đạt cả hiệu quả kỹ thuật và hiệu quả phân bổ.

- Hiệu quả kỹ thuật

Hiệu quả kỹ thuật là số lượng sản phẩm có thể đạt được trên một đơn vị chi phí đầu vào hay nguồn lực vào sản xuất trong những điều kiện cụ thể về kỹ thuật hay công

nghệ được áp dụng vào sản xuất nông nghiệp. Hiệu quả này thường được phản ánh trong mối quan hệ về các hàm sản xuất. Hiệu quả kỹ thuật liên quan đến phương diện vật chất của sản xuất, nó chỉ ra rằng một đơn vị nguồn lực dùng vào sản xuất đem lại thêm bao nhiêu đơn vị sản phẩm. Hiệu quả kỹ thuật của việc sử dụng nguồn lực được thể hiện thông qua mối quan hệ giữa đầu vào và đầu ra, giữa các đầu vào với nhau và giữa các sản phẩm khi nông dân ra quyết định sản xuất. Hiệu quả kỹ thuật phụ thuộc nhiều vào bản chất kỹ thuật và công nghệ áp dụng vào sản xuất nông nghiệp, kỹ năng của người sản xuất cũng như môi trường kinh tế xã hội khác mà trong đó kỹ thuật được áp dụng.

- **Hiệu quả phân bổ**

Hiệu quả phân bổ là chỉ tiêu hiệu quả trong đó các yếu tố giá sản phẩm và giá đầu vào được tính để phản ánh giá trị sản phẩm thu thêm trên một đồng chi phí thêm về đầu vào hay nguồn lực. Hiệu quả phân bổ phản ánh khả năng kết hợp các yếu tố đầu vào một cách hợp lý để tối thiểu hóa chi phí với một lượng đầu ra nhất định nhằm đạt được lợi nhuận tối đa. Thực chất của hiệu quả phân bổ là hiệu quả kinh tế có tính đến các yếu tố giá của các yếu tố đầu vào và đầu ra nên hiệu quả phân bổ còn được gọi là hiệu quả về giá.

Hiệu quả kinh tế là một phạm trù kinh tế mà trong đó sản xuất phải đạt hiệu quả phân bổ và hiệu quả kỹ thuật. Điều đó có nghĩa là cả hai yếu tố giá trị và hiện vật đều được tính đến khi xem xét việc sử dụng các nguồn lực trong nông nghiệp. Nếu sản xuất chỉ đạt được hiệu quả kỹ thuật hoặc hiệu quả phân bổ thì mới là điều kiện cần chứ chưa phải điều kiện đủ để đạt hiệu quả kinh tế.

1.1.2 Bản chất của hiệu quả kinh tế

Khi nghiên cứu về bản chất kinh tế các nhà kinh tế học đã đưa ra những quan điểm khác nhau nhưng đều thống nhất chung bản chất của nó. Người sản xuất muốn có lợi nhuận thì phải bỏ ra những chi phí nhất định, những chi phí đó là: nhân lực, vật lực, vốn...Chúng ta tiến hành so sánh kết quả đạt được sau mỗi quá trình sản xuất kinh doanh với chi phí bỏ ra thì có hiệu quả kinh tế. Sự chênh lệch này càng cao thì hiệu

quả kinh tế càng lớn và ngược lại. Bản chất của hiệu quả kinh tế là nâng cao năng suất lao động xã hội và tiết kiệm lao động xã hội. Yêu cầu của việc nâng cao hiệu quả kinh tế là đạt được hiệu quả tối đa về chi phí nhất định hoặc ngược lại, đạt được kết quả nhất định với chi phí tối thiểu. Chi phí ở đây được hiểu theo nghĩa rộng bao gồm cả chi phí để tạo ra nguồn lực, đồng thời phải bao gồm cả chi phí cơ hội.

1.1.3 Ý nghĩa của việc xác định hiệu quả kinh tế trong sản xuất nông nghiệp

- Biết được mức hiệu quả của việc sử dụng nguồn lực trong sản xuất nông nghiệp, các nguyên nhân ảnh hưởng đến hiệu quả kinh tế để có biện pháp thích hợp nhằm nâng cao hiệu quả kinh tế trong sản xuất nông nghiệp.

- Làm căn cứ để xác định phương hướng đạt tăng trưởng cao trong sản xuất nông nghiệp. Nếu hiệu quả kinh tế còn thấp thì có thể tăng sản lượng nông nghiệp bằng các biện pháp nâng cao hiệu quả kinh tế, ngược lại đạt được hiệu quả kinh tế cao thì để tăng sản lượng cần đổi mới công nghệ.

1.1.4 Các quan điểm về hiệu quả kinh tế

Hiện nay có rất nhiều quan điểm về hiệu quả kinh tế (HQKT), tuy nhiên chúng ta có thể tóm tắt thành ba loại quan điểm như sau:

- Quan điểm thứ nhất cho rằng HQKT được xác định bởi tỷ số giữa kết quả đạt được và chi phí bỏ ra (các nguồn nhân, tài, vật lực, tiền vốn...) để đạt được kết quả đó.

- Quan điểm thứ hai cho rằng HQKT được đo bằng hiệu số giữa giá trị sản xuất đạt được và lượng chi phí bỏ ra để đạt được kết quả đó

$$\text{HQKT} = \text{Kết quả sản xuất} - \text{Chi phí}$$

- Quan điểm thứ ba xem xét HQKT trong phần biến động giữa chi phí và kết quả sản xuất.

Theo quan điểm thứ ba HQKT biểu hiện ở quan hệ tỷ lệ giữa phần tăng thêm của kết quả và phần tăng thêm của chi phí, hay quan hệ tỷ lệ giữa kết quả bổ sung và chi phí bổ sung. Một số ý kiến chú ý đến quan hệ tỷ lệ giữa mức độ tăng trưởng kết quả sản xuất với mức độ tăng trưởng chi phí của nền sản xuất xã hội.

$$HQKT = \Delta K / \Delta C$$

ΔK : Là phần tăng thêm của kết quả sản xuất

ΔC : Là phần tăng thêm của chi phí sản xuất

Từ các quan điểm trên ta thấy

+ Nếu chỉ đánh giá HQKT ở khía cạnh lợi nhuận thuần túy (kết quả sản xuất kinh doanh trừ chi phí sản xuất) thì chưa xác định được năng suất lao động xã hội và so sánh khả năng cung cấp sản phẩm cho xã hội của những nhà sản xuất có hiệu số giữa kết quả sản xuất kinh doanh và chi phí sản xuất như nhau. Tuy nhiên nếu chỉ tập trung vào các chỉ tiêu tỷ số giữa kết quả sản xuất với chi phí thì lại chưa toàn diện, nó là số tương đối và chỉ tiêu này chưa phân tích được sự tác động, ảnh hưởng của các yếu tố nguồn lực. Hai cơ sở sản xuất đạt được tỷ số trên là như nhau, nhưng ở những không gian, thời gian, điều kiện khác nhau thì sự tác động của nguồn lực tự nhiên là khác nhau và như vậy hiệu quả kinh tế cũng không giống nhau.

+ Với quan điểm coi HQKT chỉ ở phần kết quả bổ sung và chi phí bổ sung thì cũng chưa đầy đủ. Trong thực tế, kết quả sản xuất đạt được luôn là hệ quả của các chi phí có sẵn cộng với chi phí bổ sung. Ở các mức chi phí có sẵn khác nhau thì hiệu quả của chi phí bổ sung cũng sẽ khác nhau.

Vì vậy, khi xem xét HQKT chúng ta phải xem xét trên tất cả các góc độ để có cái nhìn toàn diện, chính xác, tùy theo mục đích và yêu cầu nghiên cứu.

1.2 Phân loại hiệu quả kinh tế

Có thể phân loại HQKT theo các tiêu chí sau:

*** Phân loại hiệu quả theo bản chất, mục tiêu**

- HQKT phản ánh mối quan hệ tương quan giữa kết quả hữu ích về mặt kinh tế và chi phí bỏ ra, nó đánh giá chủ yếu về mặt kinh tế của hoạt động kinh tế mang lại.

- Hiệu quả xã hội phản ánh mối tương quan giữa kết quả của các lợi ích về mặt xã hội do hoạt động sản xuất mang lại và chi phí mà xã hội phải bỏ ra.

- Hiệu quả kinh tế - xã hội phản ánh mối tương quan giữa kết quả tổng hợp về mặt kinh tế - xã hội với các chi phí bỏ ra để đạt được kết quả như bảo vệ môi trường, lợi ích công cộng.

*** Nếu căn cứ vào các yếu tố cơ bản của sản xuất các nguồn lực và hướng tác động vào sản xuất thì chia HQKT thành:**

- Hiệu quả sử dụng đất đai
- Hiệu quả sử dụng lao động
- Hiệu quả sử dụng các yếu tố tài nguyên như năng lượng, vốn...
- Hiệu quả việc áp dụng khoa học - kỹ thuật như hiệu quả làm đất, hiệu quả bón phân...

1.3 Hệ thống chỉ tiêu đánh giá

*** Chỉ tiêu phản ánh mức độ đầu tư của các nông hộ**

- Chi phí đầu tư phân bón/sào (tính cho từng loại cụ thể)
- Chi phí thuốc hóa học/sào: thuốc sâu, thuốc cỏ
- Chi phí dịch vụ/sào
- Chi phí thủy lợi

*** Chi phí trung gian (IC)** là một bộ phận cấu thành tổng giá trị sản xuất, bao gồm chi phí vật chất và dịch vụ vật chất, không kể công lao động gia đình và khấu hao tài sản cố định.

*** Tổng chi phí sản xuất (TC)** là chỉ tiêu bao gồm chi phí trung gian, hao phí lao động và khấu hao tài sản cố định

Hệ thống các chỉ tiêu đánh giá kết quả sản xuất lạc

*** Tổng giá trị sản xuất trên một đơn vị diện tích (GO)** là chỉ tiêu biểu hiện bằng tiền của toàn bộ kết quả hữu ích mà lao động sáng tạo ra trong một thời gian nhất định.

$$GO = \sum Q_i * P_i$$

Trong đó

GO: Tổng giá trị sản xuất

Qi: sản lượng sản phẩm loại i

Pi: giá sản phẩm loại i

* **Giá trị gia tăng trên một đơn vị diện tích (VA)** chỉ tiêu này là hiệu số giữa giá trị sản xuất và chi phí trung gian (IC) trên một đơn vị diện tích

$$VA = GO - IC$$

Trong đó

VA: giá trị gia tăng

GO: Tổng giá trị sản xuất

IC: Tổng chi phí trung gian

Các chỉ tiêu đánh giá hiệu quả

Năng suất lạc: Phản ánh trung bình một năm thu được bao nhiêu kg lạc trên một đơn vị diện tích canh tác.

* **Giá trị sản xuất trên chi phí trung gian (GO/IC)** chỉ tiêu này cho biết một đồng chi phí trung gian bỏ ra thu được bao nhiêu đồng giá trị sản xuất.

* **Giá trị gia tăng trên chi phí trung gian (VA/IC)** chỉ tiêu này cho biết một đồng chi phí trung gian bỏ ra thu được bao nhiêu đồng giá trị gia tăng.

* **Giá trị gia tăng trên giá trị sản xuất (VA/GO)** chỉ tiêu này cho biết trong một đồng giá trị sản xuất thu được bao nhiêu đồng giá trị gia tăng.

1.4 Nguồn gốc, xuất xứ cây lạc

Cây lạc có nguồn gốc lịch sử ở Nam Mỹ. Vào thời kỳ phát hiện Châu Mỹ, cùng với sự thâm nhập của Châu Âu vào lục địa mới, người ta mới biết cây lạc.

Nguồn gốc cây lạc ở Nam Mỹ được khẳng định khi SKiê (E.G.1877) tìm thấy lạc trong ngôi mộ cổ An Côn ở bờ biển gần LiMa, thủ đô PêRu. Người ta đã phát hiện ở

đây nhiều ngôi mộ có chứa những xác ướp đặt ngồi, xung quanh là những vại bằng đất nung đựng nhiều loại thực phẩm khác nhau, còn được bảo vệ tốt. Trong đó có nhiều vại đựng quả lạc. Những mẫu vật về lạc phát hiện ở An Côn có liên quan với văn hoá trước An Côn được xác định vào khoảng 750-500 năm trước công nguyên. Theo tài liệu của Engen thì lạc tìm thấy ở Las Haldas thuộc thời kỳ trước đồ gốm cách đây khoảng 3800 năm.

1.5 Giá trị dinh dưỡng và giá trị kinh tế

*** Giá trị dinh dưỡng**

Lạc là một loại thực phẩm có giá trị dinh dưỡng cao. Lạc là nguồn thức ăn giàu về dầu lipit và prôtêin, thành phần sinh hoá của lạc có thể thay đổi phụ thuộc vào giống, vào sự biến động các điều kiện khí hậu giữa các năm, vào vị trí của hạt ở quả, các yếu tố không bình thường như: Sâu bệnh hại, và phương pháp phân tích khác nhau cũng ảnh hưởng đến thành phần sinh hoá của hạt lạc.

*** Dầu trong hạt lạc**

Dầu lạc là một hỗn hợp glixêrit, bao gồm 80% a xít béo không no và 20% a xít béo no. Thành phần a xít béo trong dầu lạc thay đổi tùy theo giống và điều kiện trồng trọt.

*** Prôtêin của lạc**

- Về số lượng, hạt lạc chứa một hàm lượng prôtêin khá cao chỉ kém đậu tương.
- Về chất lượng, prôtêin hạt lạc chủ yếu do 2 globulin (2/3 arachin và 1/3 conrachin) hợp thành chiếm 95%.
- Thành phần axit amin, prôtêin của lạc có đủ 8 a xít amin không thay thế
- Về mặt cung cấp năng lượng: Do hạt lạc có hàm lượng dầu cao, nên năng lượng cung cấp rất lớn như: trong 100gam hạt lạc, cung cấp 590cal, cũng lượng như vậy trong hạt đậu tương cung cấp 411cal, gạo tẻ cung cấp 353cal, thịt lợn nạc cung cấp 286cal, trứng vịt cung cấp 189cal...

Do có giá trị dinh dưỡng cao lạc từ lâu loài người đã sử dụng như một nguồn thực phẩm quan trọng. Sử dụng trực tiếp (quả non luộc, quả già, rang, nấu...) ép dầu để

làm dầu ăn và khô dầu để chế biến nước chấm và thực phẩm khác. Gần đây nhờ có công nghiệp thực phẩm phát triển, người ta chế biến thành rất nhiều mặt hàng thực phẩm có giá trị từ lạc, như rút dầu, bơ lạc, pho mát lạc, sữa lạc, kẹo lạc...

*** Giá trị kinh tế**

+ Giá trị xuất khẩu

Trên thị trường thế giới, Lạc là mặt hàng quan trọng của nhiều nước. Do giá trị nhiều mặt của hạt lạc nên chưa bao giờ hạt lạc mất thị trường tiêu thụ. Trước đây có 5 nước xuất khẩu lạc chủ yếu đó là: Trung Quốc, Mỹ, Argentina, Ấn Độ, Việt Nam. Các nước phải nhập khẩu lạc đó là Nhật Bản, Indonexia, Canada, Đức... Mặt hàng xuất khẩu chủ yếu của lạc là hạt, song về chất lượng của chúng ta còn rất thấp vì kích cỡ hạt nhỏ, hàm lượng dầu thấp nên giá trị chưa cao.

Hiện tại, thị trường xuất khẩu lạc chủ yếu của các doanh nghiệp Việt Nam hiện nay là Trung Quốc, các nước Đông Nam Á, trong đó Thái Lan và Indonesia là hai thị trường lớn.

+ Giá trị công nghiệp

Do giá trị dinh dưỡng của lạc, con người đã sử dụng như một nguồn thực phẩm quan trọng. Ngoài việc dùng để ăn dưới hình thức như luộc, rang, nấu xôi, làm bánh kẹo, chao dầu... lạc được dùng để ép dầu ăn và khô dầu để chế biến nước chấm và chế biến các mặt hàng thực phẩm có giá trị từ lạc như lạc rút dầu, bơ lạc, chao, phomat sữa, sữa lạc... được sử dụng chế biến nhiều loại thuốc trong y dược, dùng làm dầu nhờn để xoa máy, bôi trục xe, loại dầu xấu dùng để nấu xà phòng...

+ Giá trị nông nghiệp

Lạc là cây trồng có ý nghĩa nhất là đối với các nước nghèo vùng nhiệt đới. Sản phẩm phụ của cây lạc là thức ăn quý cho động vật nuôi. Khi ép dầu sản phẩm phụ là khô dầu với lượng dinh dưỡng khá cao làm thức ăn cho gia súc gia cầm. Dùng khô dầu trong khẩu phần ăn sẽ làm tăng sản lượng trứng của gà, làm lợn tăng trọng nhanh hơn. Khi phân tích thân lá lạc thì có 47% đường bột, trên 15% chất hữu cơ chứa Nitơ và 1.8% chất béo nên thân lá lạc cũng có thể dùng làm thức ăn cho gia súc.

Lạc có bộ rễ rất sâu và có nhiều nốt sần tự hút được đạm được đáng kể. Vì vậy trồng lạc có tác dụng cải tạo, bồi dưỡng, tăng độ phì nhiêu của đất, tạo điều kiện cho việc thâm canh tăng năng suất nhất là đối với đất bạc màu, ở vùng Trung du và đất bồi dốc, trồng lạc thu đông có tác dụng vừa sản xuất giống tốt, vừa làm cây che phủ đất chống xói mòn trong mưa lũ. Ngoài ra, lạc là loại cây trồng có khả năng trồng xen, trồng gối vụ với các cây hoa màu, cây công nghiệp khác cho năng suất và hiệu quả cao.

1.6 Các nhân tố ảnh hưởng đến kết quả và hiệu quả sản xuất lạc

1.6.1 Đất đai

Lạc không yêu cầu khắt khe về độ phì của đất. Do đặc điểm sinh lý của lạc, đất trồng lạc phải đảm bảo cao ráo, thoát nước nhanh khi có mưa to. Thành phần cơ giới của đất trồng lạc tốt nhất là loại đất thịt nhẹ, cát pha, để đất luôn tơi, xốp và có độ pH từ 5,5-7 nhằm thỏa mãn 4 yêu cầu của cây lạc: Rễ phát triển mạnh cả về chiều sâu và chiều ngang, đủ ôxy cho vi sinh vật nốt sần hoạt động cố định đạm, tia quả đâm xuống đất dễ dàng, dễ thu hoạch thì giúp lạc sinh trưởng và phát triển tốt, năng suất cao, củ to hơn. Còn những loại đất dẽ dẽ thì củ lạc sẽ nhỏ hơn, ở những vùng đất này cần làm công tác cày bừa và làm cỏ thật kỹ, bón phân làm tăng độ tơi xốp cho đất tạo khoảng hổng để củ lạc phát triển tốt nhất.

1.6.2 Thị trường và giá cả tiêu thụ

Giá cả và thị trường tiêu thụ ảnh hưởng tới hiệu quả và quyết định canh tác lạc của người nông dân. Thực tế giá cả đầu vào quá cao, giá đầu ra thì lại thấp. Vì người nông dân chủ yếu bán cho tư thương mua tại nhà ép giá khiến giá mua vào từ bà con nông dân thấp nhưng bán lại vào thị trường khác giá sẽ cao hơn lợi nhuận của tư thương thì lớn còn bà con nông dân người trực tiếp sản xuất thì lại quá thấp. Chi phí sản xuất cao giá bán sản phẩm thì lại quá thấp dẫn đến hiệu quả kinh tế thấp. Việc tiêu thụ sản phẩm của bà con còn gặp nhiều khó khăn và bất cập. Bà con lại thiếu thông tin về thị trường, không hiểu thị trường, dẫn đến việc quyết định mua bán sản phẩm của bà con sai với thực tế của thị trường.

1.6.3 Vốn

Vốn có vai trò quyết định trong mọi hoạt động sản xuất kinh doanh. Đối với bà con nông dân để có một lượng vốn lớn đầu tư tốt cho việc canh tác là rất khó khăn. Mặc dù các đầu vào như phân bón, thuốc BVTV,... thường thì phân bổ trong suốt thời gian từ khi bắt đầu gieo trồng tới khi thu hoạch nhưng các hộ nông dân phản ứng chậm và không thể đáp ứng tức thời có thì cũng một khoản nhỏ chủ yếu vay mượn chứ không có nhiều vì còn trang trải cho cuộc sống hàng ngày. Vì thế việc xoay vốn để chuẩn bị vật tư còn gặp rất nhiều khó khăn. Dẫn đến nhiều vấn đề còn tồn về vốn của bà con. Hiệu quả kinh tế trong sản xuất lạc của bà con là không cao, vốn bỏ ra thì lớn mà thu lại thì không được bao nhiêu, lợi nhuận chỉ là lấy lại tiền tích lũy công lao động qua thời gian canh tác. Để nâng cao hiệu quả sử dụng vốn cho bà con cần có các giải pháp tốt. Một là tìm thị trường tiêu thụ sản phẩm và nâng giá đầu ra cho bà con, thứ hai là cần hỗ trợ chi phí đầu vào để bà người nông dân thu được lợi nhuận cao hơn.

1.6.4 Kỹ thuật chăm sóc

Hệ thống quy trình kỹ thuật ảnh hưởng rất lớn tới hiệu quả canh tác, làm đúng quy trình kỹ thuật sẽ cho năng suất tăng lên, sản lượng cao hiệu quả đạt được cao. Cần đào tạo và nghiên cứu kỹ thuật canh tác tốt nhất, hỗ trợ kỹ thuật cho người nông dân để đạt hiệu quả tốt nhất. Từ khâu chọn giống, làm đất, lên luống, bón phân, phun thuốc... đều phải làm theo quy trình khoa học nhất đảm bảo tốt cho cây lạc phát triển với điều kiện tốt, giảm được công lao động, tăng năng suất.

Ngoài ra về hệ thống tưới tiêu nước, công nghệ phòng trừ dịch bệnh, trình độ của nông dân...những vấn đề trên nếu giải quyết tốt và hợp lý thì việc canh tác lạc sẽ thuận lợi hơn nhiều trong việc tưới nước cho lạc khi trời hạn, thoát nước khi trời mưa, lụt tránh ngập úng. Phòng trừ dịch bệnh cho lạc cũng như đào tạo kiến thức cho bà con để có điều kiện tốt nhất cho canh tác lạc. Nếu các công tác này tốt thì hiệu quả canh tác sẽ cao hơn.

1.7 Cơ sở thực tiễn

1.7.1 Tình hình sản xuất lạc tại Việt Nam

Lạc là cây trồng truyền thống của người nông dân Việt Nam, là loại cây công nghiệp ngắn ngày quan trọng hàng đầu, khả năng thích ứng rộng và được trồng nhiều vụ hằng năm, tùy thuộc vào điều kiện từng địa phương.

Ở Việt Nam, lạc là loại cây công nghiệp ngắn ngày có nhịp độ phát triển khá nhanh. Cây lạc đã góp phần quan trọng vào việc cải thiện cơ cấu bữa ăn, làm tăng đáng kể lượng protein và chất béo. Cây lạc cũng cung cấp nguyên liệu cho ngành công nghiệp chế biến thực phẩm và ép dầu, cung cấp khô bã cho chăn nuôi. Ngoài ra trồng lạc còn có ý nghĩa lớn đối với việc cải tạo đất đai bảo vệ môi trường và sinh thái. Đặc biệt cây lạc chiếm lĩnh vị trí quan trọng trong xuất khẩu hàng hóa nông sản của Việt Nam. Lạc là một trong những mặt hàng có kinh ngạch xuất khẩu lớn nhất, đứng ở vị trí thứ ba sau gạo và cà phê.

Ở nước ta, lạc được trồng hầu hết các tỉnh từ Bắc vào Nam tỉnh nào cũng có. Tuy nhiên trong những năm gần đây diện tích, năng suất cũng như sản lượng lạc đang giảm đi so với những năm trước. Cụ thể nó được thể hiện qua bảng dưới đây:

Bảng 1: Tình hình sản xuất lạc tại Việt Nam qua 3 năm (2012-2014)

Chỉ tiêu	ĐVT	2012	2013	2014	2013/2012		2014/2013	
					+/-	%	+/-	%
Diện tích	1000 ha	219,2	216,4	209	-2,8	-1,3	-7,4	-3,4
Năng suất	Tạ/ha	21,4	22,7	21,7	1,3	6,1	-1	-4,4
Sản lượng	1000 tấn	468,5	491,9	454,5	23,4	5	-37,4	-7,6

Nguồn: Tổng cục thống kê

Theo dõi diện tích gieo trồng qua ba năm 2012-2014, ta thấy diện tích gieo trồng lạc đều giảm. Cụ thể năm 2013 diện tích giảm 2,8 nghìn ha so với năm 2012, năm 2014 diện tích lại giảm 7,4 nghìn ha so với năm 2013 và kéo theo đó sản lượng cũng

giảm qua các năm. Sự giảm dần về diện tích qua các năm do nhiều nguyên nhân. Thứ nhất, giảm dần tỷ trọng ngành nông nghiệp trong cơ cấu kinh tế, một phần diện tích đất trồng lạc được chuyển sang trồng các cây trồng có hiệu quả kinh tế cao hơn, một phần khác chuyển sang đất phi nông nghiệp. Thứ hai, do thời tiết khí hậu nước ta mấy năm gần đây khắc nghiệt hơn, sâu bệnh phá hoại mùa màng, gây nhiều khó khăn cho bà con. Yếu tố đầu vào cho sản xuất như giống, vật tư ngày một đắt đỏ, trong khi đó giá đầu ra không ổn định cũng là một trong những nguyên nhân chính làm diện tích gieo trồng ngày một giảm đi.

Tuy rằng diện tích gieo trồng lạc năm 2013 giảm đi so với năm 2012 nhưng năng suất và sản lượng đạt được vẫn cao hơn so với năm 2012. Cụ thể năm 2013, năng suất tăng 1,3 tạ/ha và sản lượng tăng 23,4 nghìn tấn, đó là nhờ sự tiến bộ trong quá trình đầu tư sản xuất. Năng suất lạc tăng là do người dân sử dụng giống lạc cho năng suất cao, phân bón cũng như thuốc BVTV được sử dụng hợp lý hơn, hơn nữa hệ thống kênh mương tưới tiêu ngày càng được hoàn thiện, chính sách khuyến nông ngày càng được nâng cao. Nhờ đó, điều tất yếu là năng suất và sản lượng tăng lên. Mặc dù mức tăng khá nhẹ và không cao, song đây là tín hiệu đáng mừng thể hiện sự tiến bộ trong đầu tư sản xuất lạc.

1.7.2 Tình hình sản xuất lạc tại Thừa Thiên Huế

Để nắm được tình hình sản xuất lạc ở tỉnh Thừa Thiên Huế trong những năm gần đây ta xét bảng sau:

Bảng 2: Diện tích, năng suất, sản lượng lạc tại Thừa Thiên Huế giai đoạn 2012-2014

Chỉ tiêu	ĐVT	2012	2013	2014	2013/2012		2014/2013	
					+/-	%	+/-	%
Diện tích	1000 ha	3,7	3,6	3,5	-0,1	-2,7	-0,1	-2,7
Năng suất	Tạ/ha	21,9	22,8	18	0,9	4,1	-4,8	-21,1
Sản lượng	1000 tấn	8,1	8,2	6,3	0,1	1,2	-1,9	-23,2

Nguồn: Tổng cục thống kê

Qua bảng trên ta thấy, những năm gần đây tại tỉnh Thừa Thiên Huế diện tích gieo trồng lạc giảm nhẹ qua các năm. Cụ thể, diện tích gieo trồng lạc giảm 0,1 nghìn ha mỗi năm. Năng suất cũng như sản lượng hằng năm cũng giảm theo. Đặc biệt năm 2014 năng suất giảm mạnh 4,8 tạ/ha so với năm 2013. Sản lượng năm 2014 giảm 1,9 nghìn tấn so với năm 2013. Nguyên nhân chủ yếu làm cho diện tích gieo trồng lạc giảm là do tình hình thời tiết ở các tỉnh miền Trung những năm gần đây không thuận lợi làm cho sâu bệnh phát triển nhiều ảnh hưởng đến năng suất lạc của bà con, một số địa phương khác thay vì trồng lạc người ta chuyển sang các cây trồng có giá trị kinh tế cao khác. Việc đầu tư vật tư như giống, phân bón... cũng như công chăm sóc cho lạc cũng khá lớn, trong khi đó giá bán lạc thường xuyên biến động làm cho người dân ít mặn mà trong sản xuất cây lạc. Đặc biệt ngày nay khi quỹ đất nông nghiệp ngày càng thu hẹp, diện tích gieo trồng giữa các loại cây được người dân cân nhắc để đảm bảo sao cho trên cùng một diện tích mà năng suất và giá trị kinh tế đạt được là cao nhất, với chi phí sản xuất là thấp nhất.

CHƯƠNG II: MỘT SỐ ĐẶC ĐIỂM CƠ BẢN CỦA ĐỊA BÀN NGHIÊN CỨU

2.1 Điều kiện tự nhiên

2.1.1 Vị trí địa lý

Hương An là một phường ven đô nằm ở phía nam của thị xã Hương Trà có tọa độ địa lý 16026'40" vĩ Bắc và 10700'00" - 107032'30" kinh Đông cách thị xã Hương Trà 8 km, cách trung tâm thành phố Huế 6 km có ranh giới địa lý:

Đông giáp phường An Hòa và Hương Long của thành phố Huế;

Tây giáp phường Hương Chữ;

Nam giáp phường Hương Hồ;

Bắc giáp phường An Hòa của thành phố Huế.

Phường có chiều dài từ Bắc xuống Nam khoảng 6,5 km, Tây sang Đông nơi rộng nhất khoảng 3 km, nơi hẹp nhất 0,4 km hình thể nhỏ hẹp về phía Bắc, vuông vức về phía Tây Nam, là phường nằm vùng ven Thành phố nên rất thuận lợi cho việc phát triển kinh tế, giao lưu thương mại.

2.1.2 Đất đai

Để hiểu rõ hơn về cơ cấu đất đai cũng như tình hình sử dụng đất của phường những năm gần đây, ta xét bảng sau:

Bảng 3: Cơ cấu đất đai trên địa bàn phường qua các năm 2013-2015

Chỉ tiêu	2013		2014		2015		So sánh (%)	
	Số lượng (Ha)	Cơ cấu (%)	Số lượng (Ha)	Cơ cấu (%)	Số lượng (Ha)	Cơ cấu (%)	14/13	15/14
Tổng diện tích tự nhiên	1119,37	100,00	1101,35	100,00	1069	100,00	-1,61	-2,94
1. Đất nông nghiệp	900,35	80,65	840,38	76,30	758,50	70,95	-6,66	-9,74
- Đất sản xuất nông nghiệp	472,93	42,25	450,78	40,93	380,90	35,63	-4,68	-15,50
- Đất lâm nghiệp	428,49	38,28	387,87	35,21	360,90	33,76	-9,48	-6,95
- Đất nuôi trồng thủy sản	1,34	0,12	1,76	0,16	16,70	1,56	31,34	48,86
2. Đất phi nông nghiệp	188,61	16,85	245,47	22,29	296,77	27,76	30,14	20,84
- Đất thổ cư	68,28	6,10	90,31	8,20	117,46	10,98	32,26	30,06
- Đất chuyên dùng	50,37	4,50	71,04	6,45	80,02	7,49	41,04	12,64
- Đất phi nông nghiệp khác	69,96	6,25	84,14	7,64	99,29	9,29	20,26	18,01
3. Đất chưa sử dụng	27,98	2,5	15,50	1,41	13,73	1,28	-44,60	-11,41

Nguồn: UBND Phường

Những năm gần đây, tổng diện tích tự nhiên của phường nhìn chung có xu hướng giảm, cụ thể năm 2014 giảm đi 1,61 % so với năm 2013, đến năm 2015 giảm đi 2,94 % so với 2014. Cơ cấu các loại đất cũng có sự tăng giảm khác nhau, xu hướng chuyển

dịch chính đó là sự giảm xuống của đất nông nghiệp, đất chưa sử dụng và sự tăng lên của đất ở cũng như đất chuyên dùng.

Trong đất nông nghiệp thì cơ cấu đất sản xuất nông nghiệp và đất lâm nghiệp giảm, đất nuôi trồng thủy sản tăng lên. Cụ thể so với năm 2013, năm 2014 diện tích đất sản xuất nông nghiệp và đất lâm nghiệp giảm đi lần lượt là 4,68 và 9,48 % , diện tích đất nuôi trồng thủy sản tăng 31,34 %. Đất nông nghiệp giảm ở đây là do trong những năm qua dân số tăng nên nhu cầu về nhà ở tăng, đường giao thông, hệ thống thủy lợi tăng vì vậy mà đã chuyển một số loại đất nông nghiệp làm đất giao thông thủy lợi, đất ở. Nạn cháy và chặt phá rừng diễn ra vẫn thường xuyên làm diện tích đất lâm nghiệp ngày một giảm đi.

Diện tích đất phi nông nghiệp tăng dần qua các năm. Năm 2013 là 188,61ha, đến năm 2015 là 296,77ha. Đất thổ cư và các loại đất phi nông nghiệp khác có xu hướng tăng qua các năm, do tình trạng gia tăng dân số hằng năm, gây sức ép về đất ở và đất sản xuất. Đất chưa sử dụng cũng có xu hướng giảm qua các năm, loại đất này giảm là do một số đất hoang hoá đã được đưa vào sản xuất nông nghiệp và một số dùng để làm đất ở, đất chuyên dùng, cụ thể năm 2014 diện tích giảm đi 44,60% so với năm 2013

Như vậy, với sự giảm xuống của đất nông nghiệp, đất chưa sử dụng và sự tăng lên của đất ở cũng như đất chuyên dùng đó là một sự chuyển dịch đúng đắn theo hướng chuyển dịch chung của cả nước.

2.1.3 Dân số, lao động

Dân số và lao động là nguồn lực sản xuất của xã hội. Đó vừa là mục tiêu vừa là động lực của mọi sự phát triển, ảnh hưởng trực tiếp đến sự phát triển của vùng. Việc bố trí sử dụng lao động cho phù hợp có ý nghĩa rất lớn tới sự phát triển kinh tế - xã hội, là cơ sở để tăng thu nhập của hộ.

Bảng 4: Tình hình hộ, khẩu và lao động của phường qua 3 năm

Chi tiêu	2013	2014	2015	So sánh (%)	
				14/13	15/14
1. Tổng số hộ (hộ)	1440	1465	1495	1,74	2,05
- Số hộ nông nghiệp	1224	1214	1194	-0,82	-1,65
- Số hộ phi nông nghiệp	216	251	301	16,20	19,92
2. Tổng số khẩu (người)	6048	6153	6279	1,74	2,05
- Lao động nam	3387	3279	3428	-3,19	4,54
- Lao động nữ	2661	2874	2851	8,00	-0,80
3. Tổng số lao động (người)	3168	3223	3289	1,74	2,05
- Lao động nông nghiệp	2376	2095	1809	-11,83	-13,65
- Lao động phi nông nghiệp	792	1128	1480	42,42	31,21
4. Bình quân khẩu một hộ (người)	4,2	4,2	4,2	-	-
5. Bình quân lao động một hộ (người)	2,2	2,2	2,2	-	-

Nguồn: UBND Phường

Hương An có dân số trong độ tuổi lao động chiếm trên 50 % dân số. Cơ cấu dân số thuộc dân số trẻ, đây là nguồn lao động dồi dào cho các hoạt động kinh tế, là một trong những điều kiện thuận lợi để phát triển kinh tế địa phương, nhưng cũng đặt ra một số vấn đề khó khăn trong tổ chức, giải quyết việc làm và thu nhập cho người lao động.

Qua bảng số liệu cho thấy, tổng số hộ tại Hương An có xu hướng tăng lên hàng năm, do khi lập gia đình họ thường tách ra riêng. Năm 2014 tổng số hộ tăng lên 1,74 % so với năm 2013. Năm 2015, số hộ tiếp tục tăng lên 2,05% so với năm 2014. Tổng số hộ tăng nhưng số hộ nông nghiệp giảm qua các năm. Năm 2013, số hộ có sản xuất nông nghiệp chiếm 85% tổng số hộ, nhưng đến năm 2015 còn lại 79,87 %. Sự giảm

dần số hộ sản xuất nông nghiệp đồng nghĩa với sự tăng lên của số hộ phi nông nghiệp. Năm 2014, số hộ phi nông nghiệp tăng 16,20 % so với năm 2013, năm 2015 tăng 19,92 % so với năm 2014. Sự thay đổi cơ cấu trong hộ sản xuất nông nghiệp và hộ phi nông nghiệp, kéo theo sự thay đổi trong cơ cấu lao động nông nghiệp và lao động phi nông nghiệp. Hàng năm tỷ lệ lao động phi nông nghiệp tăng trong khi đó tỷ lệ lao động nông nghiệp giảm. Điều này cho thấy người dân hoạt động sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp ngày một giảm đi, thay vào đó làm các ngành phi nông nghiệp khác và dịch vụ...

Bình quân nhân khẩu/hộ và số lao động/hộ qua các năm ít biến động, cụ thể có khoảng 4 - 5 người/hộ, trong đó có 2 – 3 lao động, đây là con số khá hợp lý. Lao động nam và nữ đều có xu hướng biến động tương đối như nhau. Năm 2013, tỷ lệ lao động nam chiếm 56% trong tổng số lao động; năm 2014 tỷ lệ này giảm xuống còn 53,3%, tăng nhẹ lên 54,6% vào năm 2015, trong khi đó lao động nữ vào năm 2013 chiếm 44%; năm 2014 tăng lên 46,7% và chững lại vào năm 2015 là 45,4%. Tỷ lệ giữa lao động nam và lao động nữ như trên là khá hợp lý, thuận lợi hơn trong việc phân công lao động và tổ chức sản xuất. Lao động nam đảm nhiệm các công việc nặng nhọc hơn, thay vào đó lao động nữ khéo léo, cần cù hơn, cùng làm việc sẽ mang lại hiệu quả cao hơn.

2.2 Tình hình kinh tế - xã hội của Phường giai đoạn 2013-2015

2.2.1 Về phát triển kinh tế

Thực trạng của nền kinh tế hiện nay thì công nghiệp và dịch vụ ngày càng tăng trưởng và phát triển giá trị thu được chiếm tỷ trọng lớn cho nền kinh tế. Bên cạnh đó thì nông nghiệp dần bị eo hẹp, thu nhập từ nông nghiệp thấp và bấp bênh ảnh hưởng tới tâm lý của người dân và toàn xã hội. Phường Hương An cũng không ngoại lệ qua số liệu thu thập được từ Ủy ban phường.

Bảng 5: Cơ cấu tổng giá trị sản xuất của phường qua 3 năm 2013-2015

Chỉ tiêu	2013		2014		2015		So sánh (%)	
	Tỷ đồng	%	Tỷ đồng	%	Tỷ đồng	%	14/13	15/14
Tổng giá trị sản xuất	92,4	100,00	97	100,00	102,7	100,00	4,98	5,88
1. Dịch vụ	35,29	38,19	39,99	41,23	53,9	52,48	13,32	34,78
2. Nông nghiệp	48,59	52,59	47,06	48,52	35,5	34,57	-3,15	-24,56
3. Tiểu thủ công nghiệp	8,52	9,22	9,94	10,25	13,3	12,95	16,67	33,80

Nguồn: UBND Phường

Dựa vào bảng trên ta thấy, tổng giá trị sản xuất của phường có xu hướng tăng lên hằng năm. Cụ thể năm 2014, tổng giá trị sản xuất toàn phường tăng 4,98 % so với năm 2013, và năm 2015 tăng lên 5,88 % so với năm 2014. Cơ cấu kinh tế tiếp tục chuyển dịch theo hướng tăng tỷ trọng ngành dịch vụ và tiểu thủ công nghiệp, giảm tỷ trọng ngành nông nghiệp trong cơ cấu kinh tế. Năm 2014, cơ cấu ngành dịch vụ tăng 13,32 %, tiểu thủ công nghiệp tăng 16,67 %, nông nghiệp giảm đi 3,15 % so với 2013. Năm 2015 so với 2014 các con số này tăng lên lần lượt là 34,78 %, 24,56 % và 33,80 %. Xu hướng chuyển dịch như trên nhìn chung là phù hợp với yêu cầu chuyển đổi cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện nước ta hiện nay.

Trong những năm tới, cần tiếp tục giảm tỷ trọng ngành nông nghiệp và tăng tỷ trọng ngành công nghiệp dịch vụ, phát huy hơn nữa vai trò của các ngành, tận dụng được lợi thế so sánh của địa phương, tăng cường đầu tư phát triển.

Các hoạt động thương mại và dịch vụ duy trì tốc độ tăng trưởng cao và tiếp tục đóng vai trò chủ lực như: dịch vụ nhà nghỉ, kinh doanh xăng dầu, trung chuyển hàng hóa, phân thuốc BVTV. Ngoài ra, còn có các hoạt động bán lẻ tại khu vực chợ Hương An và trung tâm các tổ dân phố... đáp ứng nhu cầu của nhân dân. Tổng giá trị sản xuất

dịch vụ năm 2015 đạt 53,9 tỷ đồng, tốc độ tăng trưởng bình quân hằng năm đạt 13,5%. Cơ cấu ngành dịch vụ chiếm 52,48% trong cơ cấu kinh tế.

Tiểu thủ công nghiệp duy trì và phát triển như: mộc dân dụng, cơ khí sửa chữa ô tô, sản xuất nhang trầm... giá trị sản xuất đạt 13,3 tỷ đồng, tốc độ tăng trưởng tiểu thủ công nghiệp và xây dựng trung bình các năm đạt 15,4%, chiếm 13% trong cơ cấu kinh tế.

Ngành nông nghiệp chiếm 34,57 % trong cơ cấu kinh tế năm 2015. Giá trị sản xuất ngành nông nghiệp đạt 35,5 tỷ đồng; tốc độ tăng trưởng bình quân qua các năm đạt 7,3%. Sản xuất phát triển khá, theo hướng tập trung chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi, nâng cao chất lượng sản phẩm, giá trị sản xuất tăng lên.

2.2.2 Đặc điểm văn hóa - xã hội

Toàn phường có 1086 hộ gia đình đạt chuẩn gia đình văn hóa, chiếm tỷ lệ 72,64 % (2015). Đã xây dựng và sửa chữa 9/9 nhà sinh hoạt cộng đồng tổ dân phố, trang cấp bổ sung các thiết bị đảm bảo quá trình hoạt động. Hệ thống đài truyền thanh phường đã được nâng cấp từ truyền thanh bằng dây sang hệ thống FM đảm bảo tốt cho công tác tuyên truyền.

Các hoạt động văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao được duy trì, nhân dân tích cực tham gia vào các hội thi do Thị xã tổ chức.

Tổng số hộ nghèo trong phường đến năm 2015 là 72 hộ, chiếm tỷ lệ 4,76%, hộ cận nghèo là 128 hộ, tỷ lệ 8,47%, trong 5 năm tỷ lệ hộ nghèo giảm 6,24%. Đây là những kết quả đáng mừng mà lãnh đạo địa phương kết hợp với nhân dân toàn phường trong thời gian qua phấn đấu đạt được. Làm thay đổi bộ mặt nông thôn theo hướng đô thị hóa, đời sống nhân dân ngày một cải thiện hơn.

2.3 Thuận lợi, khó khăn của các hộ nông dân trong hoạt động sản xuất lạc

Thuận lợi

Nhìn chung, vị trí địa lý, điều kiện tự nhiên, môi trường của Phường có nhiều thuận lợi cho việc phát triển kinh tế- xã hội nhất là phát triển kinh tế nông nghiệp kiêm ngành nghề dịch vụ.

Địa hình của phường khá đa dạng (có vùng đồng bằng, vùng ven sông, vùng đồi) đã tạo ra sự phong phú các sản phẩm nông lâm ngư nghiệp.

Vị trí địa lý của Hương An khá thuận lợi về đi lại, giao lưu kinh tế văn hóa trong vùng cũng như đối với địa bàn lân cận. Bên cạnh đó, phường Hương An giáp thành phố Huế gần chợ đầu mối và các chợ lớn của thành phố nên rất thuận lợi trong việc tiêu thụ nông sản phẩm.

Đời sống nhân dân được cải thiện rõ rệt, thay đổi được bộ mặt nông thôn theo hướng đô thị hoá. Thực hiện tạo việc làm cho lao động trong phường với thu nhập cao. Xây dựng cơ hạ tầng: trường học, trụ sở UBND phường, cầu cống, đường liên thôn, liên xã, đường nội đồng, bê tông kênh mương được cơ bản hoàn thiện đáp ứng nhu cầu vật chất cũng như về tinh thần của nhân dân, từng bước cải tạo môi trường sống của nhân dân trong phường.

Phường Hương An có lực lượng lao động dồi dào, nên việc ứng dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất được nhân rộng và dễ dàng hơn. Phần lớn công lao động bỏ ra trong quá trình sản xuất là tận dụng nguồn lao động gia đình nên hộ không mất tiền thuê lao động ngoài, công việc trồng lạc tương đối nhẹ nhàng có thể tận dụng lao động lúc nhàn rỗi.

Ngày nay khoa học kỹ thuật phát triển, nhiều giống mới có năng suất cao được đưa vào sản xuất, máy móc được sử dụng rộng rãi hơn, không chỉ tiết kiệm sức lao động của con người mà năng suất cũng như hiệu quả ngày càng tăng lên.

Khó khăn

Hương An nằm trong khu vực thường chịu ảnh hưởng của yếu tố thời tiết bất lợi, dễ xảy ra thiên tai như lũ lụt trên diện rộng, mưa lớn tập trung, mùa đông lạnh giá, nắng gắt vào mùa hè ảnh hưởng xấu tới hoạt động sản xuất cũng như sức khỏe của người dân.

Diện tích đất sản xuất nông nghiệp của phường ngày một thu hẹp dần, thay vào đó là sự xuất hiện các xí nghiệp, nhà máy, các ngành nghề thủ công nghiệp, cuộc sống

của những hộ nông dân xưa nay chỉ chuyên làm về nông nghiệp sẽ gặp những khó khăn trong thời gian tới.

Sản xuất lạc của người dân ở phường chủ yếu dựa vào kinh nghiệm bản thân là chính, họ chưa được tiếp xúc với các quy trình tiêu chuẩn kỹ thuật. Vì vậy, hiệu quả đạt được chưa cao. Đồng thời, sản xuất còn phụ thuộc nhiều vào điều kiện thời tiết thất thường.

Hiện nay, người nông dân sản xuất và bán sản phẩm thường bị tư thương ép giá, giá bán trên thị trường cao nhưng người dân lại bán với mức giá thấp, vì vậy việc tiêu thụ còn gặp khó khăn. Mặt khác, giá các yếu tố đầu vào như giống, phân bón, chi phí dịch vụ...ngày càng tăng cao, thời tiết ngày càng khắc nghiệt làm cho lợi ích của người sản xuất có phần suy giảm.

Rủi ro cao do sự biến đổi khí hậu, trong khâu thu hoạch, bảo quản của người dân.

CHƯƠNG III: HIỆU QUẢ KINH TẾ CANH TÁC CÂY LẠC CỦA PHƯỜNG HƯƠNG AN, THỊ XÃ HƯƠNG TRÀ TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

3.1 Khái quát chung về tình hình sản xuất lạc của phường giai đoạn 2013-2015

Hương An là một phường ven đô nằm ở phía nam của thị xã Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên Huế, có diện tích sản xuất nông nghiệp chiếm 70% tổng diện tích đất. Là một trong những địa phương đi đầu trong hoạt động sản xuất nông nghiệp, trong đó có cây lạc. Giá trị sản xuất thu được từ lạc chiếm một tỷ lệ cao trong tổng giá trị sản xuất cây trồng của phường. Để rõ hơn về tình hình canh tác lạc trên địa bàn phường trong những năm gần đây ta xét bảng sau:

Bảng 6: Diện tích, năng suất, sản xuất lạc trên địa bàn phường giai đoạn 2013-2015

Chỉ tiêu	ĐVT	2013	2014	2015	2014/2013		2015/2014	
					+/-	%	+/-	%
Diện tích	Ha	73,4	70	67	-3,4	-4,6	-3	-4,3
Năng suất	Tạ/ha	29	28	27	-1	-3,4	-1	-3,6
Sản lượng	Tấn	213	196	181	-17	-8	-15	-7,7

Nguồn: UBND Phường

Qua bảng trên ta thấy, ở địa bàn phường diện tích trồng và năng suất lạc qua các năm từ 2013-2015 có sự biến động giảm. Cụ thể, năm 2014 diện tích gieo trồng giảm 3,4 ha, kéo theo đó sản lượng cũng giảm đi 17 tấn so với năm 2013. Đến năm 2015 diện tích tiếp tục giảm 3 ha, sản lượng giảm 15 tấn/ha so với năm 2014. Do sản xuất tiến hành trong thời tiết không thuận lợi, có rét đậm, rét hại, nền nhiệt độ thấp, số ngày nắng, lượng mưa ít hơn trung bình nhiều năm. Từ năm 2014 đến nay diện tích gieo trồng lạc giảm đi là do một số nguyên nhân cơ bản sau: ảnh hưởng của yếu tố thiên nhiên, thời tiết vụ Đông Xuân mưa rét kéo dài, lịch gieo trồng một số khu vực không đúng thời điểm, thêm vào đó vào thời kỳ lạc ra hoa nguồn nước tưới chưa được đảm

bảo, việc thay thế đất sản xuất nông nghiệp cho đầu tư cơ sở hạ tầng và thêm nữa một số diện tích đất trồng lạc trước đây được chuyển sang trồng một số loại cây rau màu ngắn ngày có giá trị kinh tế cao khác như: hành lá, cây rau màu khác... Đặc biệt, việc gieo trồng và chăm sóc hành lá đơn giản, lại trồng được nhiều vụ trong một năm, thay vào đó giá trị kinh tế do cây hành lá mang lại cho người dân nơi đây cao hơn nhiều so với gieo trồng lạc.

Mặc dù diện tích cũng như sản lượng lạc toàn phường những năm gần đây có xu hướng giảm đi so với những năm trước nhưng so với mặt bằng chung của cả tỉnh thì mức năng suất lạc đạt được của phường vẫn ở mức cao. Cụ thể, năm 2013 và 2014 mức năng suất lạc bình quân của tỉnh chỉ đạt là 114 và 90 kg/sào. Trong khi đó mức năng suất lạc đạt được tại phường trong 2 năm 2013 và 2014 lần lượt là 140 và 135 kg/sào. Điều này cho thấy, việc canh tác lạc tại địa phương vẫn mang lại kết quả cao, nhưng do một số yếu tố chi phối như khó khăn trong việc thích ứng với biến đổi thời tiết khí hậu trong sản xuất, người dân chưa chủ động trong việc áp dụng tiến bộ KHKT, chưa mạnh dạn đưa các giống lạc mới vào thử nghiệm sản xuất, việc quy hoạch đất đai cho xây dựng cơ sở hạ tầng một số khu vực chưa hợp lý cũng là một trong những nguyên nhân làm cho người dân không dám đầu tư lâu dài, chất lượng đất đai giảm đi dẫn đến năng suất cũng như sản lượng lạc ngày càng giảm.

Vì vậy để nâng cao năng suất cũng như đưa cây lạc phát triển đúng với tiềm năng và thế mạnh của địa phương, góp phần tăng thu nhập cho các hộ sản xuất lạc thì việc thử nghiệm và đưa các giống mới, với sức chống chịu và thích ứng tốt với điều kiện tự nhiên của vùng là rất cần thiết, tích cực ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất, lịch thời vụ luôn được đảm bảo, chủ động nguồn nước kịp thời, bên cạnh đó chính quyền địa phương cần đưa ra chính sách hợp lý trong quy hoạch đất đai đảm bảo phù hợp với từng khu vực trên địa bàn.

Bảng 7: Diện tích, sản lượng lạc của các đội sản xuất năm 2015

Đội sản xuất	Diện tích		Sản lượng	
	Ha	%	Tấn	%
Toàn phường	67	100,00	181	100,00
1. An Lưu	10,04	14,99	27,11	14,98
2. An Vân	4,84	7,22	13,07	7,22
3. An Hòa	4,00	5,97	10,80	5,97
4. Bồn Phở	7,00	10,45	18,90	10,44
5. Bồn Trì	19,01	28,37	51,33	28,36
6. Cổ Bưu	15,00	22,39	40,50	22,38
7. Thanh Chũ	7,00	10,45	18,90	10,44

Nguồn: HTX Hương An

Hương An là địa bàn có số lượng hộ dân tiến hành sản xuất lạc khá lớn. Trong 7 đội của phường thì lạc là một trong những cây trồng chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu cây trồng. Cụ thể đứng đầu về diện tích gieo trồng lạc là đội sản xuất Bồn trì, với 19,01 ha, chiếm 28,37 % tổng diện tích lạc toàn phường, tiếp đến là các đội sản xuất Cổ bưu, An lưu...

Tuy diện tích có sự phân bố rõ rệt giữa các đội sản xuất, nhưng nhờ áp dụng kỹ thuật canh tác hợp lý cộng với điều kiện đất đai không có sự khác biệt lớn giữa các vùng, thêm vào đó các phong trào thi đua sản xuất được tổ chức trên địa bàn phường làm cho các đội sản xuất đều phấn đấu đạt được năng suất tương đối cao, bình quân mỗi ha thu được 27 tạ lạc.

3.2 Kết quả và hiệu quả sản xuất lạc của các hộ điều tra

3.2.1 Tình hình nhân khẩu, lao động của các hộ điều tra

Để tăng hiệu quả sản xuất lạc thì lao động của con người hết sức quan trọng, nhờ có công sức lao động của mình, con người đã khai thác một cách có hiệu quả nguồn tài nguyên nhằm phát triển sản xuất lạc. Nghiên cứu và tìm hiểu hoạt động sản xuất, cũng như các nhân tố ảnh hưởng đến hiệu quả sản xuất lạc vụ Đông Xuân trên địa bàn phường Hương an, thị xã Hương Trà, tôi tiến hành chọn 45 hộ trong 3 đội sản xuất đại diện cho ba vùng không gian của phường để điều tra.

Bảng 8: Tình hình nhân khẩu và lao động của các hộ điều tra

Chỉ tiêu	Bồn Trì	An Lưu	Cổ Bưu	BQC hoặc tổng
1. Tổng số hộ (hộ)	15	10	20	45
2. Tổng số khẩu (người)	63	40	86	189
3. Tổng lao động (người)	35	21	44	100
4. Bình quân khẩu 1 hộ (người)	4,2	4,0	4,3	4,2
5. Bình quân lao động 1 hộ (người)	2,3	2,1	2,2	2,2
6. Diện tích lạc bình quân 1 hộ (sào)	3,04	1,85	2,44	2,51

Nguồn: Số liệu điều tra

Trong 7 đội sản xuất lạc chủ lực của phường, tôi tiến hành chọn 3 đội sản xuất đại diện cho ba vùng không gian khác nhau với số lượng các hộ điều tra như sau: Bồn Trì với 15 hộ, tiếp đến là An Lưu với 10 hộ và Cổ bưu là 20 hộ.

Đội Bồn Trì: Là vùng đất cát pha, địa hình đồi núi tương đối cao, với địa bàn rộng lớn nhưng mật độ dân cư thấp. Ở đây, người dân chủ yếu làm nông nghiệp, một số hộ có chăn nuôi, trồng thêm rừng và một số cây ăn quả như bưởi, thanh trà...giúp cải thiện mức sống và nâng cao thu nhập cho bà con nơi đây. Đội Bồn trì đại diện cho đội Bồn Phở gần đó, hai đội có đặc điểm về địa hình và đất đai giống nhau.

Đội An lưu: Là đội đại diện cho hai đội An vân, An hòa. Là vùng đất thịt pha cát, địa hình có đồi núi thấp lẫn đồng bằng nhỏ. Phù hợp để trồng trọt, chăn nuôi. Là vùng cũng khá phát triển tập trung nhiều cơ quan, trường học, chợ trung tâm của phường. Cơ sở hạ tầng, giao thông đi lại cũng khá thuận lợi. Đời sống của bà con cũng tương đối ổn định.

Đội Cổ Bru: Là đội đại diện cho đội Thanh Chũ gần đó, địa hình trải dài và được bồi đắp bởi sông Cổ Bru nên đất đai ở đây chủ yếu là đất cát pha vì vậy người dân chủ yếu chăn nuôi, trồng lúa, lạc,...các loại hoa màu khác. Là 2 đội đồng bằng có mật độ dân cư dày, đời sống, giao thông đi lại thuận lợi, cơ sở hạ tầng tốt nhất của phường.

Nhìn chung số khẩu bình quân/hộ giữa các đội cũng không có sự khác nhau nhiều. Cụ thể cao nhất là các hộ đội Cổ Bru với 4,3 người/hộ, sau đó là đội Bồn Trì với 4,2 người/hộ và cuối cùng là An Lưu với 4,0 người/hộ, điều này cho thấy số nhân khẩu của mỗi hộ thuộc các đội sản xuất gần như tương đương nhau và nằm ở con số được coi là tương đối cao.

Lao động là nhân tố quan trọng quyết định đến kết quả và hiệu quả sản xuất kinh doanh của các hộ sản xuất nông nghiệp. Hơn nữa lạc là cây công nghiệp ngắn ngày, việc chăm sóc, trồng, thu hoạch đều mang tính thời vụ. Đây cũng là nghề giải quyết được cơ bản vấn đề lao động trong nông nghiệp nông thôn. Nguồn lao động sẽ được tận dụng một cách tối đa kể cả lao động trong độ tuổi hay lao động ngoài độ tuổi.

Qua bảng số liệu cho thấy, lao động bình quân/hộ ở các nhóm sản xuất gần như đều nhau, khoảng 2,2 người/hộ. Nếu so sánh với số khẩu bình quân/hộ thì tỷ lệ này là khá cao. Trong đó, cao nhất là các hộ đội Bồn Trì với lao động bình quân/hộ là 2.3 người và thấp nhất là đội An Lưu với lao động bình quân hộ là 2,1 người. Đây là một lực lượng lao động quan trọng đóng góp cho các hoạt động kinh tế gia đình nói chung và hoạt động sản xuất lạc nói riêng.

Trong 3 đội sản xuất thì đội Bồn Trì là đội có diện tích lạc bình quân/hộ là lớn nhất. Qua điều tra 15 hộ trong đội này cho thấy, diện tích lạc được trồng là khá lớn. Với lợi thế về đất đai là vùng có đất cát pha, địa bàn lại rộng lớn, đa số các hộ ở đây

đều có diện tích gieo trồng lạc trên 3 sào chiếm chủ yếu. Diện tích lạc bình quân/ hộ cũng lớn hơn so với hai đội còn lại với 3,04 sào. Hai đội sản xuất Cổ Bưu và An Lưu mặc dù điều kiện về đất đai cũng rất thuận lợi cho việc sản xuất lạc nhưng khu vực lại có mật độ dân cư cao hơn, địa bàn tập trung nhiều cơ quan, trường học, chợ trung tâm của phường... nên việc giảm diện tích canh tác nông nghiệp là điều dễ hiểu. Trong 20 hộ điều tra tại đội Cổ Bưu cho thấy, bình quân mỗi hộ có 2,44 sào trồng lạc và thấp nhất là các hộ đội An Lưu với 1,85 sào/hộ.

3.2.2 Tình hình trang bị tư liệu sản xuất của các nông hộ

Bên cạnh lao động, vốn, đất đai thì tư liệu sản xuất là yếu tố không thể thiếu đối với bất kỳ ngành sản xuất vật chất nào. Tư liệu sản xuất nói lên trình độ sản xuất và quy mô sản xuất của một đơn vị, một địa phương...Hiện nay tư liệu sản xuất của các nông hộ đã được HTX cung cấp, số khác do tư nhân trong địa bàn cung cấp như: máy cày bừa, máy bơm nước...vì chi phí mua sắm các máy trên lớn do đó các hộ lựa chọn việc chi trả chi phí dịch vụ sau mỗi vụ thu hoạch lạc cho HTX. Một số tư liệu phục vụ cho hoạt động sản xuất lạc mà người dân đầu tư như sau

Bảng 9: Tình hình trang bị tư liệu sản xuất bình quân 1 hộ điều tra

Chi tiêu	Bình quân chung	
	Số lượng (cái)	Giá trị (1000đ)
Tổng giá trị	-	1925
- Xe chuyên chở	1	1500
- Bình phun thuốc	1	170
- Liềm	3	135
- Công cụ khác	4	120

Nguồn: Số liệu điều tra

Một trong những phương tiện chính giúp cho việc vận chuyển lạc mùa thu hoạch đó là xe chuyên chở. Nó có thể sử dụng lâu dài và tiết kiệm chi phí cho các hộ trong các hoạt động sản xuất khác như vận chuyển lúa, sắn... Mỗi hộ đầu tư mua sắm một chiếc với giá 1500 nghìn đồng. Bình quân mỗi hộ có 1 bình phun thuốc sâu với giá 170 nghìn đồng.

Để giảm sinh khối cần phải vận chuyển, có thể cắt bớt phần nửa trên của cây lạc bỏ lại trên đồng ruộng, công cụ chính mà các hộ sử dụng là Liềm, bình quân mỗi hộ có 3 cái, với giá mỗi cái là 45 nghìn đồng. Một số công cụ khác được sử dụng như cuốc, cuốc trang...

Nhìn chung mức độ đầu tư về trang bị kỹ thuật của các hộ còn chưa cao và vẫn còn sử dụng các công cụ truyền thống, thô sơ, các tư liệu phục vụ sản xuất như máy cày xới, máy bơm nước... vẫn còn phụ thuộc nhiều vào HTX và tư nhân trên địa bàn. Do đặc điểm của những loại tư liệu này khá đắt tiền do vậy các hộ nên hợp tác chung vốn để đầu tư thì hiệu quả sẽ cao hơn.

3.2.3 Chi phí sản xuất của các hộ điều tra

Trong nông nghiệp, chi phí sản xuất được phân thành chi phí vật chất dịch vụ mua ngoài (chi phí trung gian) và chi phí tự có của gia đình. Trong đó chi phí tự có của gia đình bao gồm công lao động gia đình và chi phí phân chuồng là chủ yếu. Trong các hộ thuộc các đội sản xuất khác nhau, số công lao động gia đình bỏ ra gần như bằng nhau trong suốt quá trình sản xuất, vì vậy ở đây tôi xin lấy bình quân số công lao động trong mỗi khâu sản xuất lạc và cụ thể như sau:

Bảng 10: Chi phí tự có bình quân 1 sào của các hộ điều tra

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Số lượng
1. Lao động	Công	10
- Công gieo	Công	2
- Làm cỏ, un chân	Công	4
- Công bón phân	Công	1
- Công phun thuốc	Công	1
- Công thu hoạch	Công	2
2. Chi phí phân chuồng	1000đ	12

Nguồn: Tổng hợp số liệu điều tra

Do lạc là cây yêu cầu đất phải tơi xốp nó lại là cây hay bị sâu bệnh, cỏ dại nên số công chăm sóc lạc là rất lớn. Bỏ qua khâu làm đất, lạc đòi hỏi sự dày công chăm sóc của người lao động. Qua nghiên cứu, tôi thấy được bình quân một sào lạc gieo phải bỏ ra các công lao động như sau:

Gieo trồng: 2 công

Làm cỏ đợt đầu kết hợp vun xới đợt sau: 4 công

Bón phân, phun thuốc: 2 công

Thu hoạch: 2 công

Như vậy, để đầu tư cho một sào sản xuất lạc, hộ phải bỏ ra 10 công lao động trong suốt quá trình sản xuất, tổng chi phí tính theo công lao động gia đình là 1400 nghìn đồng/sào. Đây là một khoản chi phí lớn, mặc dù các hộ điều tra ở đây lao động sản xuất là tận dụng lao động gia đình nhưng việc giảm bớt công lao động trong quá trình sản xuất là một điều rất cần thiết. Điều đó có thể làm cho hiệu quả kinh tế tăng lên. Thời gian rảnh rỗi các hộ nông dân có thể làm được công việc khác kiếm thêm thu nhập. Vì vậy, cần có những giải pháp về khoa học kỹ thuật, máy móc thiết bị công

nghệ cao vào canh tác nhằm giảm thời lượng công việc cũng như công lao động của con người để hiệu quả đạt được cao hơn.

Phân chuồng là loại phân vừa cung cấp nhiều chất dinh dưỡng tương đối, cân đối cho cây lạc, vừa có tác dụng cải tạo đất thành tơi xốp, tăng khả năng giữ phân, giữ nước cho đất. Ngoài trồng trọt, hộ sản xuất nông nghiệp còn chăn nuôi thêm gia súc, gia cầm, ngoài việc tận dụng nguồn thức ăn thừa trong gia đình, một phần kiếm thêm thu nhập, hơn thế nữa nguồn phân thải ra dùng làm phân bón để bón cho lạc sẽ mang lại hiệu quả cao. Bình quân mỗi sào, hộ bón lót trước khi gieo vào khoảng 10 kg phân chuồng, với giá 1,2 nghìn đồng/kg, chi phí phân chuồng bình quân mỗi sào khoảng 12 nghìn đồng.

Bảng 11: Bảng giá vật tư, lao động

Sản phẩm	Đơn vị tính	Giá
Phân đạm	1000đ/kg	9
Phân lân	1000đ/kg	4
Phân NPK	1000đ/kg	10
Phân kali	1000đ/kg	10
Giá lạc giống	1000đ/kg	40
Giá lạc bán trung bình	1000đ/kg	19.5
Công lao động gia đình	1000đ/công	140

Nguồn: Tổng hợp số liệu điều tra

Hiệu quả kinh tế trên một đơn vị diện tích trồng lạc phụ thuộc vào các đầu tư chi phí đầu vào, năng suất và giá cả thị trường. Như vậy việc đầu tư chi phí đầu vào hợp lý sẽ không chỉ đảm bảo năng suất lạc mà còn đảm bảo hiệu quả kinh tế cao hơn. Song đối với người sản xuất nông nghiệp thì việc đầu tư bao nhiêu là hợp lý vẫn đang còn là một ẩn số bởi từ xa xưa đến nay người nông dân vẫn thường sản xuất theo kinh nghiệm và thói quen

là chính. Với nông nghiệp nói chung và sản xuất lạc nói riêng, nó tuân theo một quy luật hiệu suất giảm dần, vì vậy không phải đầu tư cao là sẽ mang lại hiệu quả kinh tế cao.

Bảng 12: Chi phí trung gian canh tác 1 sào lạc của các hộ điều tra

Chỉ tiêu	Giá trị (1000đ)	Cơ cấu (%)
Chi phí trung gian	1018,70	100,00
1. Giống	411,69	40,41
2. Phân bón	267,89	26,29
- Phân đạm	21,78	2,14
- Phân lân	26,36	2,59
- Phân kali	44,73	4,39
- Phân NPK	175,02	17,18
3. Vôi	25,93	2,54
4. Thuốc BVTV	23,18	2,28
5. Dịch vụ cày bừa	240,00	23,56
6. Dịch vụ thủy lợi	50,00	4,91

Nguồn: Tổng hợp số liệu điều tra

Chi phí trung gian là khoản chi phí chiếm tỷ trọng lớn trong tổng chi phí sản xuất và được các hộ quan tâm vì nó ảnh hưởng lớn đến kết quả và hiệu quả sản xuất lạc. Chi phí này bao gồm các khoản chi phí mà các hộ phải bỏ tiền mua như: Giống, phân bón, vôi, thuốc BVTV, các dịch vụ và các chi phí khác.

Nhìn vào bảng trên ta thấy, tổng chi phí trung gian đầu tư bình quân cho một sào lạc của các hộ là 1018,70 nghìn đồng trong đó cơ cấu chi phí các yếu tố như sau:

Yếu tố đầu tiên quan trọng hơn cả là giống. Qua điều tra, thấy rằng các hộ dân chỉ chuyên một giống lạc L14 vào sản xuất đại trà. Thường thì vào vụ Đông Xuân,

nguồn giống chủ yếu được bà con cất trữ từ mùa trái năm trước, tức là giống được lấy từ vụ Hè thu, nhưng do điều kiện địa phương nơi đây, vụ hè thu tới thời điểm thu hoạch thường vào mùa mưa, chất lượng giống không đảm bảo. Khi dùng lạc giống này gieo xuống tỉ lệ nảy mầm thấp và thường bị “mộng”. Vì vậy nguồn giống chủ yếu người dân mua từ hợp tác xã Hương An hoặc từ nơi khác. Bình quân mỗi sào người dân gieo 10,29 kg, mỗi kg lạc giống giá 40 nghìn đồng, tương đương 411,7 nghìn đồng trên mỗi sào gieo. Chi phí giống chiếm 40,41% tổng chi phí trung gian.

Phân bón là một yếu tố quan trọng quyết định đến năng suất lạc. Chi phí cho phân bón chiếm 26,29 % tổng chi phí trung gian. Trong đó phân NPK có tỷ trọng lớn nhất, với 65,33% tổng chi phí phân bón, tiếp đến là kali với 16,70 %, lân, đạm...

Vôi có ý nghĩa đặc biệt đối với cây lạc. Có câu “không lân, không vôi thì thôi trồng lạc”. Lạc muốn đạt năng suất cao không thể không bón vôi. Vôi có tác dụng cải tạo đất chua, tạo môi trường cho vi khuẩn cố định đạm hoạt động, tạo điều kiện cho lạc phát triển, tăng tính chống chịu của cây đối với kiến, mối, hạn chế tác hại của sâu bệnh. Bình quân mỗi sào chi phí cho vôi bón khoảng 25,93 nghìn đồng, chiếm tỷ lệ 2,54 % trong tổng chi phí trung gian. Thực tế điều tra hộ, thấy rằng hộ sản xuất dùng vôi bón cho lạc còn rất ít, thậm chí có hộ còn không bón vôi, những hộ có bón vôi thì chỉ bón một lần trước lúc trồng lạc, vì vậy không chỉ làm năng suất lạc thấp mà trọng lượng lạc cũng giảm đi.

Khi mới gieo xong, phải sử dụng thuốc diệt cỏ mầm, hạn chế cỏ dại ban đầu cho lạc. Sâu bệnh có thể phát triển trên tất cả diện tích trồng lạc. Tuy nhiên chi phí thuốc BVTV cho lạc là không lớn lắm, bình quân mỗi sào chi khoảng 23,18 nghìn đồng cho các loại, chi phí thuốc BVTV chiếm tỉ lệ 2,28 % trong tổng chi phí trung gian.

Chi phí dịch vụ là một trong những khoản chi phí chiếm tỷ trọng lớn trong tổng chi phí trung gian hiện nay. Khâu làm đất hoàn toàn được máy móc hóa thay cho trâu bò cày kéo như trước đây. Và cũng chính vì thế chi phí cho khoản mục này cũng tăng lên đáng kể. Bình quân mỗi sào hộ phải bỏ ra 240 nghìn đồng cho việc làm đất. Thủy lợi phí dùng trong tưới tiêu bình quân 50 nghìn đồng/sào. Chi phí cho các khoản này chiếm khoảng 28,47% tổng chi phí trung gian của các hộ.

3.2.4. Diện tích, năng suất, sản lượng lạc của các hộ điều tra năm 2015

Bảng 13: Bảng diện tích, năng suất, sản lượng lạc tính bình quân/ hộ

Chỉ tiêu	ĐVT	Số lượng
1. Diện tích	Sào/hộ	2,51
2. Năng suất bình quân	Kg/sào	137,36
3. Sản lượng	Kg/hộ	344,77

Nguồn: Số liệu điều tra

Vụ Đông Xuân năm 2015 nhìn chung thời tiết khá thuận lợi để sản xuất lạc. Bình quân mỗi hộ có 2,51 sào canh tác lạc, đạt năng suất 137,36 kg/sào. Như vậy sản lượng thu được bình quân mỗi hộ là 344,77 kg. Đây là mức năng suất và sản lượng tương đối cao. Để đạt được những kết quả cao hơn nữa trong vụ tới, các hộ sản xuất nên đầu tư hợp lý và cân đối hơn nữa chi phí trung gian cũng như công chăm sóc lạc. Qua điều tra hộ cho thấy, việc sử dụng một số loại phân bón và việc bón vôi cho lạc của người dân vẫn chưa hợp lý. Tỷ trọng kali và lân trong tổng lượng phân bón còn thấp, trong khi đó lạc là một loại cây trồng lấy hạt, việc bón đủ lượng kali và lân sẽ giúp hạt chắc và cho năng suất cũng như sản lượng lạc tăng lên. Vôi cũng là nhân tố ảnh hưởng lớn đến năng suất lạc. Thực tế cho thấy lượng vôi mà các hộ sử dụng còn ít và số lần bón vôi đa số là lần đầu tiên trước khi gieo, điều này làm cho năng suất lạc đạt được chưa cao. Để nâng cao năng suất, người dân nên bón thêm một lượng vôi đúng vào lúc hoa lạc đọt một vừa tàn kết hợp làm cỏ, vun gốc thì năng suất lạc sẽ cao hơn.

Việc chỉ chuyên một giống lạc L14 vào sản xuất đại trà trong một thời gian dài cũng là một trong những nguyên nhân làm năng suất lạc qua các năm giảm đi. Trong thời gian tới nên thử nghiệm và đưa các giống mới phù hợp với điều kiện sản xuất của địa phương, nhằm cải thiện năng suất cũng như sản lượng lạc

3.2.5 Kết quả và hiệu quả sản xuất lạc của các hộ điều tra 2015

Trong bất cứ hoạt động sản xuất nào cũng vậy, mục đích cuối cùng cũng là kết quả đạt được và hiệu quả mang lại, nó là tiêu chí ảnh hưởng đến đời sống của người

sản xuất. Qua bảng số liệu 14 ta có thể thấy được kết quả và hiệu quả sản xuất lạc của các hộ điều tra năm 2015 như sau:

Bảng 14: Kết quả và hiệu quả canh tác lạc của các hộ điều tra

Chỉ tiêu	ĐVT	Số lượng
1. Năng suất	Kg/sào	137,36
2. Tổng GTSX (GO)	1000đ/sào	2645,22
3. Tổng CPTG (IC)	1000đ/sào	1018,70
4. Giá trị gia tăng (VA)	1000đ/sào	1626,52
5. GO/IC	Lần	2,60
6. VA/IC	Lần	1,60
7. VA/GO	Lần	0,61

Nguồn: Tổng hợp số liệu điều tra

Với năng suất bình quân thu được là 137,36 kg/sào cùng với giá bán cho thương lái tại nhà dao động trong khoảng từ 18 -21 nghìn đồng/kg, mỗi hộ bình quân mỗi sào thu được khoảng 2645,22 nghìn đồng giá trị sản xuất; 1626,52 nghìn đồng giá trị tăng thêm.

Qua bảng trên ta thấy rằng, bình quân chung của các hộ điều tra có: GO/IC là 2,60 lần, VA/IC là 1,6 lần, VA/GO là 0,61 lần. Điều này có nghĩa là cứ một đồng chi phí trung gian bỏ ra thì thu được 2,60 đồng giá trị sản xuất, 1,60 đồng giá trị gia tăng, trong một đồng giá trị sản xuất thu về thì có 0,61 đồng giá trị gia tăng. Nếu xét về hiệu quả sử dụng vốn trong quá trình sản xuất thì các hộ điều tra đạt mức hiệu quả tương đối cao.

3.3 Phân tích ảnh hưởng các nhân tố tới sản xuất lạc

3.3.1 Ảnh hưởng của chi phí trung gian đến kết quả và hiệu quả canh tác lạc

Kết quả đầu ra bao giờ cũng chịu ảnh hưởng bởi mức độ đầu tư các yếu tố đầu vào trong quá trình sản xuất. Mức độ đầu tư cao hay thấp đều ảnh hưởng đến kết quả

và hiệu quả canh tác lạc. Do trong tổng chi phí sản xuất, chi phí vật chất và dịch vụ mua ngoài (IC) chiếm tỷ trọng chủ yếu và lớn nhất, nên chỉ xem xét mức độ đầu tư (IC) ảnh hưởng như thế nào đến kết quả và hiệu quả sản xuất.

Đối với sản xuất nông nghiệp kết quả đạt được mang tính khách quan của tự nhiên nhưng yếu tố chủ quan cũng đóng vai trò quan trọng trong thành quả thu được thông qua năng lực đầu tư, kiến thức, kinh nghiệm của người sản xuất. Đây cũng là nhân tố quan trọng quyết định sự khác nhau trong kết quả sản xuất nông nghiệp.

Mức đầu tư chi phí trung gian có vai trò quan trọng ảnh hưởng đến hiệu quả và kết quả của nông hộ. Thường thì mức đầu tư càng cao thì sẽ mang lại kết quả và hiệu quả cao. Tuy vậy qua tình hình điều tra chung 3 đội trên địa bàn phường thì cho thấy tùy vào đặc điểm cây trồng mà có mức đầu tư thích hợp và nếu đầu tư quá mức thì ngược lại cũng có thể làm giảm hiệu quả.

Để thấy rõ ảnh hưởng của yếu tố này, tôi đã dùng phương pháp phân tổ thống kê để nghiên cứu.

Bảng 15: Ảnh hưởng của chi phí trung gian đến kết quả và hiệu quả canh tác lạc

Phân tổ theo IC (1000đ/sào)	Số hộ		IC (1000đ/sào)	GO (1000đ/sào)	VA (1000đ/sào)	GO/IC (lần)	VA/IC (lần)
	Hộ	%					
1. <1000	18	40	979,11	2639,67	1660,56	2,70	1,70
2. 1000- < 1100	22	48,89	1030,99	2639,83	1608,84	2,56	1,56
3. > 1100	5	11,11	1141,99	2694,82	1552,84	2,36	1,36
BQC hoặc tổng	45	100	1022,57	2645,87	1623,30	2,59	1,59

Nguồn: Tổng hợp số liệu điều tra

Tổ 1 với mức đầu tư dưới 1 triệu đồng/sào thì giá trị sản xuất trung bình mỗi hộ thu được là 2639,67 nghìn đồng/sào. Mức chi phí trung gian bình quân là 979,11 nghìn

đồng/sào đem lại phần giá trị gia tăng là 1660,56 nghìn đồng/sào. Khi bỏ ra một đồng chi phí trung gian thu được 2,70 đồng giá trị sản xuất và 1,70 đồng giá trị tăng thêm.

Tổ 2 với mức đầu tư $1000 < IC < 1,100$ đồng/sào, thì giá trị sản xuất và giá trị tăng thêm trung bình mỗi hộ lần lượt 2639,83 nghìn đồng/sào, và 1608,84 nghìn đồng/sào. Mức chi phí trung gian bình quân là 1030,99 nghìn đồng/sào. Nhưng cứ một đồng chi phí bỏ ra lại thu được chỉ 2,56 đồng giá trị sản xuất và 1,56 đồng giá trị tăng thêm.

Khi so sánh mức chi phí trung gian bình quân của hai tổ 1 và 2 ta thấy, mức chi phí trung gian của tổ 2 lớn hơn so với tổ 1. Và điều này làm giảm kết quả và hiệu quả sản xuất của các hộ. Cụ thể, ở tổ 2 khi chi phí trung gian tăng thêm 51,88 nghìn đồng/sào so với tổ 1 thì giá trị sản xuất thu được cũng tăng lên nhưng với lượng tăng thêm chỉ là 0,16 nghìn đồng/sào. So với mức đầu tư thêm chi phí trung gian thì lượng giá trị sản xuất thu được là rất nhỏ, kéo theo đó giá trị gia tăng cũng giảm đi. Cụ thể, ở tổ 2 giá trị gia tăng giảm đi 51,72 nghìn đồng/sào so với tổ 1. Việc tăng chi phí trung gian cũng làm cho hiệu quả sản xuất của các hộ giảm đi. Ở tổ 1, các chỉ tiêu hiệu quả lần lượt là: GO/IC là 2,70 và VA/IC là 1,70 lần, nó giảm đi còn 2,56 và 1,56 lần ở tổ 2.

Tổ 3 với mức đầu tư $>1,100$ đồng/sào, các chỉ tiêu hiệu quả đạt được GO/IC và VA/IC tiếp tục giảm xuống. Cứ một đồng chi phí bỏ ra chỉ thu được 2,36 đồng giá trị sản xuất và 1,36 đồng giá trị tăng thêm.

Như vậy qua phân tích cho thấy ở các mức đầu tư khác nhau sẽ đem lại mức hiệu quả khác nhau. Trong 3 tổ được chia theo yếu tố chi phí trung gian thì tổ I là tổ có mức đầu tư chi phí trung gian thấp nhất, chi phí này tăng dần ở tổ II và III. Tuy nhiên mức hiệu quả cao nhất lại là tổ I, vì vậy ta thấy không phải cứ đầu tư nhiều thì hiệu quả sản xuất sẽ càng cao. Đầu tư một cách hợp lý sẽ là tiền đề để nâng cao kết quả và hiệu quả của cây trồng. Vấn đề này, đòi hỏi các hộ trồng lạc không những phải đầu tư theo đúng quy trình kỹ thuật mà phải cân đối một cách hợp lý mức đầu tư để đem lại hiệu quả kinh tế tối ưu nhất

3.3.2 Ảnh hưởng của quy mô diện tích đến hiệu quả canh tác lạc

Qua bảng bên dưới ta thấy có 6 hộ có diện tích lạc dưới 2 sào chiếm 13,33%, với diện tích bình quân là 1,7 sào/hộ. Có 25 hộ có diện tích từ 2– 3 sào chiếm tỷ trọng lớn nhất là 55,56 %, với diện tích bình quân 2,36 sào, và 14 hộ có diện tích từ 3 sào trở lên, chiếm 31,11 %, với diện tích bình quân 3,12 sào/hộ.

Bảng 16: Ảnh hưởng của quy mô diện tích đến kết quả và hiệu quả canh tác lạc

Phân tổ theo diện tích (sào/hộ)	Số hộ		DTBQ (sào/hộ)	IC (1000đ/sào)	GO (1000đ/sào)	VA (1000đ/sào)	GO/IC (lần)	VA/IC (lần)
	Hộ	%						
1. <2	6	13,33	1,7	1091,05	2657,35	1566,31	2,44	1,44
2. 2 - < 3	25	55,56	2,36	1015,57	2587,91	1572,34	2,55	1,55
3. ≥3	14	31,11	3,12	1005,73	2744,46	1738,74	2,73	1,73
BQC hoặc tổng	45	100	2,51	1022,57	2645,87	1623,30	2,59	1,59

Nguồn: Tổng hợp số liệu điều tra

Nhìn vào bảng số liệu ta thấy quy mô diện tích khác nhau thì kết quả và hiệu quả sản xuất của các hộ cũng khác nhau. Quy mô đất đai ảnh hưởng đến mức độ đầu tư của nông hộ và ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả, hiệu quả sản xuất. Trong một giới hạn đầu tư nào đó, nếu diện tích đất đai càng lớn thì hiệu quả sản xuất đem lại càng cao.

Cụ thể các chỉ tiêu GO/IC, VA/IC lần lượt tăng từ tổ I cho đến tổ III. Ở tổ I, các chỉ tiêu này lần lượt như sau: GO/IC là 2,44 và VA/IC là 1,44 lần, cứ một đồng chi phí trung gian bỏ ra thu được 2,44 đồng giá trị sản xuất và 1,44 đồng giá trị tăng thêm. Ở tổ 2, các chỉ tiêu này tăng lên 2,55 và 1,55 lần, và tổ 3 các chỉ tiêu này là 2,73 và 1,73 lần. Trong phạm vi đề tài nghiên cứu, tôi nhận thấy rằng, trong một giới hạn diện tích nào đó, việc gia tăng quy mô đất đai làm cho hiệu quả sản xuất lạc tăng lên. Dựa vào bảng 16 ta thấy, với quy mô diện tích càng lớn thì chi phí đầu tư của các hộ có xu

hướng giảm đi. Cụ thể, ở tổ 1 chi phí trung gian bình quân hộ là 1091,05 nghìn đồng/sào, chi phí này lần lượt giảm đi còn 1015,57 và 1005,73 nghìn đồng/sào ở tổ 2 và 3. Thay vào đó, giá trị sản xuất và giá trị gia tăng tăng dần từ tổ 1 đến tổ 3. Nguyên nhân làm cho chi phí trung gian giảm là do khi quy mô diện tích tăng việc mua sắm các loại phân bón và thuốc BVTV với số lượng lớn thì mức giá sẽ rẻ hơn so với mua lẻ tại các đại lý phân thuốc, hơn nữa số tiền mua phân bón và thuốc BVTV có thể thanh toán sau khi kết thúc vụ thu hoạch lạc, chi phí đầu tư lớn một lần người dân không thể chi trả thì việc thanh toán sau đó là một thuận lợi lớn, hầu hết lao động tham gia sản xuất chính là lao động gia đình, vì vậy không nảy sinh thêm chi phí thuê nhân công...

Như vậy, quy mô đất đai có ảnh hưởng rất lớn đến kết quả và hiệu quả sản xuất lạc. Vì vậy, việc tích tụ tập trung đất đai để giảm chi phí đầu tư là biện pháp cần thiết để nâng cao hiệu quả sản xuất của cây lạc trong những năm tiếp theo.

3.3.3 Ảnh hưởng của việc áp dụng khoa học – kỹ thuật

+ Áp dụng khoa học kỹ thuật làm tăng năng suất, sản lượng lạc

Khoa học kỹ thuật phát triển tạo ra các giống lạc có tính năng tốt như chống chịu sâu bệnh tốt, thích nghi tốt với nhiều loại đất và chống chịu được thời tiết khí hậu khắc nghiệt, thời gian sinh trưởng và phát triển ngắn, năng suất cao sẽ mang lại hiệu quả kinh tế cao trong việc canh tác lạc.

Khoa học kỹ thuật phát triển sẽ nghiên cứu ra các loại thuốc BVTV đặc trị các loại bệnh hại mà lạc thường mắc phải, tạo ra được các loại thuốc hay chế phẩm sinh học mà kháng được sâu bệnh, thuốc kích thích giúp lạc đạt được năng suất cao nhưng vô hại với con người cũng như những quần thể sống xung quanh. Giúp cây lạc sinh trưởng và phát triển tốt, đậu quả nhiều...làm cho năng suất và chất lượng đạt được sẽ cao hơn. Cho nên việc nghiên cứu tìm ra các loại thuốc BVTV đặc trị nhưng vô hại sẽ giúp cho hiệu quả canh tác lạc đạt được sẽ tốt hơn.

+ Khoa học kỹ thuật làm giảm chi phí lao động và thời gian chăm sóc

Việc áp dụng khoa học kỹ thuật sẽ làm giảm được thời gian lao động cho các nông hộ. Sử dụng máy móc thiết bị như cày bừa làm đất bằng các loại máy móc hiện

đại, gieo hạt cũng như thu hoạch bằng các trang thiết bị máy móc hiện đại sẽ giảm được lượng công việc rất lớn chỉ cần 1 người cũng có thể canh tác tốt hơn bình thường cần tới nhiều người lao động thủ công. Tiết kiệm chi phí lao động rất đáng kể bởi đối với canh tác lạc chi phí cho công lao động là rất lớn. Cho nên nếu áp dụng được sẽ giảm được một lượng chi phí rất lớn, những lao động khác sẽ làm công việc khác tăng được nguồn thu nhập khác từ các công việc khác.

3.4 Tình hình tiêu thụ lạc của các hộ điều tra

Trong nền sản xuất hàng hóa hiện nay, mỗi đơn vị sản xuất muốn tồn tại và phát triển được cần phải có thị trường tiêu thụ sản phẩm của mình. Vì vậy muốn đánh giá hiệu quả kinh tế của đơn vị mình, trước hết cần phải tiêu thụ được sản phẩm của mình. Vấn đề thị trường tiêu thụ là vấn đề mấu chốt đối với mỗi đơn vị và mỗi ngành sản xuất. Nếu sản phẩm có thị trường tiêu thụ ổn định sẽ làm cho người dân yên tâm sản xuất hơn.

Đối với thị trường tiêu thụ lạc cho các hộ nông dân trong phường hiện nay vẫn chưa có một thị trường ổn định và tập trung. Nơi đây người nông dân chủ yếu bán cho tư thương và hầu hết là bán tại nhà chiếm khoảng 80- 85 %. Một phần nhỏ lạc được đưa ra chợ bán lẻ cho những người trung gian hoặc bán trực tiếp cho người tiêu dùng, một phần lạc được giữ lại tiêu dùng trong gia đình. Do thị trường không ổn định và không tập trung nên giá cả là sự thỏa thuận giữa người mua và người bán nông dân, vì người dân không có thông tin chính xác về giá cả nên giá bán thường thấp hơn so với giá thị trường hoặc bị tư thương ép giá.

Lạc mang đặc tính của sản phẩm nông nghiệp nên có sự chênh lệch về giá giữa đầu vụ, giữa vụ và cuối vụ là rất lớn và vì vậy điều này gây ra thiệt hại cho những gia đình cần vốn đặc biệt là những hộ nghèo.

Bảng 17: Tình hình tiêu thụ lạc của các hộ điều tra

Kênh tiêu thụ	Số lượng (kg)	Cơ cấu (%)
Tổng số	344	100
1. Nông hộ→Tiêu dùng gia đình	34,4	10
2. Nông hộ→Người tiêu dùng	20,64	6
3. Nông hộ→Tư thương→Người tiêu dùng	288,96	84

Nguồn: Số liệu điều tra

Tổng sản lượng bình quân một hộ trong tổng 45 hộ điều tra được ở 3 đội sản xuất của phường Hương An trong năm 2015 là 344 kg, trong đó mỗi hộ giữ lại tiêu dùng gia đình 34,4 kg chiếm 10 % trong tổng sản lượng thu được. Số lạc bán lẻ tại chợ hoặc trực tiếp cho người tiêu dùng là 20,64 kg chiếm 6 %, còn lại là bán tại nhà cho tư thương chiếm 84 % với sản lượng là 288,96 kg. Trong việc tiêu thụ người sản xuất chưa có được sự chủ động trong việc bán và phụ thuộc rất nhiều vào các tư thương bán buôn, bán lẻ vì thế đã làm cho người canh tác phải chịu sự thua thiệt trong việc thương lượng giá cả làm cho giá trị sản xuất và thu nhập của các nông hộ giảm xuống.

CHƯƠNG IV: ĐỊNH HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP NHẪM NÂNG CAO HIỆU QUẢ CANH TÁC LẠC

4.1 Định hướng

Đầu tư cải tạo một số vùng đất có thể trồng được cây lạc, xây dựng hệ thống thoát nước ở những vùng luôn bị ngập úng vào mùa mưa để tận dụng được diện tích trồng lạc của các nông hộ để tăng diện tích gieo trồng lên.

Tăng diện tích gieo trồng bằng các biện pháp như thâm canh tăng vụ, tiến hành trồng xen canh lạc - ngô, lạc - sắn để nâng cao giá trị sản xuất các mặt hàng nông sản, tăng thêm thu nhập cho các nông hộ.

Tổ chức tập huấn kỹ thuật trồng và chăm sóc lạc theo phương pháp mới và hiệu quả cao cho nông dân, thực hiện tốt công tác khuyến nông, khuyến cáo các cách phòng trừ cũng như phản ứng nhanh khi gặp các trường hợp không thuận lợi như thời tiết, khí hậu khắc nghiệt làm thiệt hại đến việc canh tác lạc.

Tìm thị trường đầu ra và thu mua lạc giúp bà con.

Thử nghiệm và đưa vào canh tác các giống lạc mới có năng suất cao, chất lượng tốt, chống chịu sâu bệnh, chống chịu được với thời tiết khí hậu khắc nghiệt.

Tìm hiểu thông tin thị trường để đưa vào trồng các giống lạc thích hợp đáp ứng được nhu cầu của thị trường cần.

4.2 Giải pháp

Sản xuất lạc ở Phường Hương An bên cạnh những thành tựu đạt được vẫn còn một số tồn tại. Để khắc phục được những tồn tại nhằm góp phần thúc đẩy sản xuất lạc của phường ngày một phát triển hơn có một số giải pháp sau:

4.2.1 Giải pháp về giống

Đối với các giống hiện đang sử dụng trong sản xuất

Trên địa bàn phường loại giống hiện đang sử dụng đại trà là giống lạc L14. Loại giống này là giống cho năng suất cao, phẩm chất tốt. Nhưng trong những năm qua

nguồn giống của những loại này hầu như được nhập từ Trung Quốc. Lạc giống chủ yếu được bà con giữ lại sau khi thu hoạch, điều kiện bảo quản không tốt làm cho chất lượng giống giảm và năng suất không cao.

Vì vậy cần có một cơ sở giống nguyên chủng để cung cấp thường xuyên cho nông dân. Để thực hiện được điều đó cần có sự đầu tư thích đáng của huyện. Trên phạm vi vùng trọng điểm của phường cần phải có một chương trình như chương trình cấp giống lạc đông đến làm vụ Đông Xuân sau đó nhân rộng ra toàn Phường.

Đối với các giống mới

Các cấp chính quyền địa phương cần phải xem xét kỹ các giống lạc, tìm ra những giống lạc cho năng suất cao thích ứng với điều kiện của địa phương, sau đó tuyên truyền phổ biến kỹ thuật, khuyến khích, hỗ trợ cho nông dân để họ trồng nhiều diện tích giống lạc đó.

Thu thập khảo nghiệm giống mới có năng suất cao phù hợp với các loại đất, điều kiện khí hậu, thời tiết địa phương, bố trí 1 khảo nghiệm giống/năm để có cơ sở chọn lọc một số giống có triển vọng đưa vào sản xuất, đầu tư cơ sở hạ tầng cho vùng sản xuất giống và xã hội hoá công tác sản xuất giống lạc.

4.2.2 Giải pháp về chuyển giao tiến bộ KHKT

Cần áp dụng những khoa học kỹ thuật mới để trồng và chăm sóc cho cây lạc như phủ nilon vào vụ Đông Xuân để nâng cao hiệu quả kinh tế, tránh thất thoát cho người nông dân.

Cuộc cách mạng cải tạo giống cũ thay bằng giống mới có năng suất chất lượng cao, khả năng chống chịu sâu bệnh tốt, phù hợp với điều kiện tự nhiên của vùng là rất cần thiết. Các giống lạc mới năng suất cao thì bao giờ cũng đòi hỏi kỹ thuật thâm canh, mức đầu tư cao. Khi có các giống lạc mới, Chính quyền địa phương cần phải tổ chức huấn luyện chuyên đề cho nông dân ngay để kịp thời áp dụng vào sản xuất, tránh tình trạng nông dân rập khuôn máy móc các khâu sản xuất giống lạc cũ vào cho các giống lạc mới, phổ biến cho nông dân biết một số mô hình thâm canh cây lạc đạt năng suất cao đã thành công mà một số nơi đang áp dụng.

Tăng cường và củng cố hệ thống bảo vệ thực vật các cấp, đặc biệt ở cấp xã, hợp tác xã, tập đoàn sản xuất... để làm tốt công tác điều tra, dự tính, dự báo về các loại sâu bệnh hại không chỉ cho lạc mà còn cho những cây trồng khác như rau, cây ăn quả, hướng dẫn và tổ chức thực hiện kịp thời các biện pháp phòng trừ, hạn chế đến mức thấp nhất những thiệt hại do sâu bệnh gây ra.

Tăng cường đầu tư các trang bị cần thiết phục vụ cho công tác điều tra dự báo, tiếp nhận, xử lý thông tin và chỉ đạo trong phòng và chống dịch bệnh tại cơ sở.

Nghiên cứu và ban hành quy trình áp dụng các biện pháp phòng trừ tổng hợp để hạn chế sâu bệnh, an toàn chất lượng sản phẩm cho cây trồng quy hoạch.

Tăng cường công tác quản lý các dịch vụ cung ứng thuốc bảo vệ thực vật trên toàn tỉnh.

Tư vấn cho xã viên các loại thuốc bảo vệ thực vật có hiệu quả cao nhất.

Tổ chức các lớp tập huấn KHKT sản xuất thâm canh các giống lạc mới.

4.2.3 Giải pháp về xây dựng cơ sở hạ tầng

Tăng cường đầu tư xây dựng hệ thống kênh mương thủy lợi đảm bảo nước tưới cho cây trồng phát triển tăng cường đưa nước tưới vào các vùng đất khô để chuyển đổi cây trồng.

Có thể nói trong nhiều năm qua, hệ thống giao thông nông thôn phường Hương An đã có bước chuyển biến tích cực. Hiện nay phường Hương An 100% các thôn đã có đường nhựa đến trung tâm Phường... Đồng thời nâng cấp tuyến đường nội vùng, các tuyến liên huyện liên xã tạo nên huyết mạch giao thông khép kín thuận lợi cho việc vận chuyển hàng hoá tập trung.

Hạn hán ảnh hưởng đến giai đoạn sinh trưởng, phát triển và năng suất cây lạc. Hạn ở thời kỳ gieo lạc thì sẽ làm cho lạc mọc không đều, nhưng hạn vào giai đoạn hình thành quả là nguy hiểm nhất, thứ đến là giai đoạn ra hoa đâm tia.

Hầu hết diện tích trồng lạc nước ta nói chung và của Phường Hương An nói riêng đều phụ thuộc hoàn toàn vào nước trời. Đến các tháng 3, tháng 4 là thời kỳ lạc ra hoa

kết quả nhưng do không đủ ảm đã làm cho năng suất giảm một cách đáng kể.

Điều đó chứng tỏ rằng nước tưới có ảnh hưởng rất lớn đến năng suất lạc. Do đó về lâu dài thì hướng phát triển có hiệu quả nhất vẫn là đầu tư xây dựng hệ thống tưới tiêu khoa học để hạn chế ảnh hưởng xấu của thời tiết đến năng suất lạc.

4.2.4 Giải pháp về thị trường tiêu thụ

Xây dựng các kênh thông tin trực tiếp qua hoạt động của hệ thống khuyến nông, các hợp tác xã, tập đoàn sản xuất về giá cả vật tư, giống, thuốc bảo vệ thực vật, nông sản và địa chỉ các điểm dịch vụ phục vụ sản xuất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh, để nông dân chọn lựa trong mua và bán thuận lợi và hiệu quả nhất.

Xây dựng và quảng bá các thương hiệu cho các nông sản phẩm, dự báo thị trường để có định hướng sản xuất hợp lý.

Tạo điều kiện thông thoáng cho các cơ sở dịch vụ hoạt động có hiệu quả, tiếp tục củng cố các cơ sở dịch vụ hiện có, quy hoạch các điểm dịch vụ mới và có kiểm soát về chất lượng của cơ quan chuyên môn và chính quyền tại cơ sở trong cung cấp các dịch vụ phục vụ sản xuất chế biến sản phẩm.

Tăng cường các kênh thông tin về giá cả thị trường để nông dân nắm vững nhằm đạt hiệu quả kinh tế cao.

4.2.5 Giải pháp về bảo trợ sản xuất

Chính sách này mang ý nghĩa chiến lược nhằm bảo trợ cho người sản xuất khi gặp thiên tai, khi biến động về giá cả, hay khó khăn, rủi ro trong sản xuất. Trong sản xuất nông nghiệp, mối lo ngại lớn nhất của người nông dân là giá cả và thời tiết vì đó là hai yếu tố lớn luôn uy hiếp lợi ích kinh tế của họ, trong đó thời tiết là yếu tố con người chưa đủ khả năng làm chủ mà chỉ ứng dụng khoa học kỹ thuật để tránh thiên tai, luôn lách thời vụ, thích ứng với biến động của thời tiết để giảm bớt rủi ro và phát triển sản xuất, ổn định cuộc sống.

Nên để đảm bảo lợi ích cho người nông dân thì chính sách giá cả có ý nghĩa cực kỳ quan trọng. Nhà nước cần có sự điều tiết cánh kéo giá cả, đảm bảo cung cầu trên thị trường,

tránh tình trạng độc quyền, đầu tư tích trữ, ép giá cả về thị trường lạc của tư thương.

4.2.6 Giải pháp về chính sách

Nhà nước và các cấp chính quyền cần quan tâm tới các hoạt động canh tác lạc của người nông dân. Cần có những chính sách hợp lý, đúng đắn, đặt vấn đề lợi ích của nông dân lên hàng đầu. Cần có chính sách về đất đai, chính sách hỗ trợ chi phí phân bón, chi phí dịch vụ cho các nông hộ để thu nhập của người nông dân từ canh tác lạc được cao hơn.

Hỗ trợ kinh phí cho các công trình giao thông, thủy lợi phục vụ tốt cho việc canh tác của bà con.

Cần có những điều chỉnh giá cả đầu vào lẫn đầu ra, đảm bảo lợi ích và luôn hướng tới lợi ích của người nông dân. Thông qua các chính sách trợ giá để nâng cao thu nhập cho họ.

PHẦN III: KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

5.1 Kết luận

Qua nghiên cứu tìm hiểu về tình hình sản xuất lạc vụ Đông Xuân 2015 ở Phường Hương An tôi thấy được lạc là cây trồng rất phát triển ở vùng này. Lạc có vị trí chiến lược rất quan trọng trong sản xuất nông nghiệp nói chung và cũng như trong cơ cấu sản xuất hàng hóa nói riêng, nó là cây công nghiệp ngăn ngừa thích nghi với điều kiện khí hậu ở nước ta nói chung, các tỉnh miền Trung và Thừa Thiên Huế nói riêng, đồng thời là cây thực phẩm quan trọng. Toàn bộ cây lạc đều có giá trị sử dụng. Trong đó, hạt lạc là nguồn bổ sung quan trọng các chất đạm, chất béo cho con người.

Hiện tại cây lạc đã và đang trở thành một cây trồng giúp nhiều bà con nông dân trong phường cải thiện được cuộc sống và từng bước vươn lên làm giàu, bởi năng suất và hiệu quả kinh tế mà nó đem lại. Bởi lẽ đó việc phát triển trong tương lai của cây lạc sẽ trở thành cây trồng đem lại hiệu quả kinh tế và giúp nông dân xóa đói giảm nghèo.

Tuy nhiên, qua nghiên cứu tôi thấy được trong những năm gần đây cho thấy diện tích cũng như sản lượng lạc hiện đang ngày càng giảm đi do một số nguyên nhân khách quan lẫn chủ quan. Tình trạng thiếu hụt vốn đầu tư do chi phí đầu vào cao, tình hình thời tiết diễn biến xấu, thêm vào đó giá cả thị trường nhiều biến động là một trong số những nguyên nhân chính làm cho người nông dân chưa dám mạnh dạn đầu tư nhiều cho cây lạc, vì vậy đã làm cho hiệu quả sản xuất lạc chưa cao so với mong muốn, sự phát triển còn chưa tương xứng với tiềm năng hiện có của địa phương.

5.2 Kiến nghị

** Đối với người nông dân*

Các hộ phải tích cực áp dụng các tiến bộ kỹ thuật mới, tăng cường đầu tư cho cây lạc, nhằm mang lại hiệu quả kinh tế cao.

Tham gia đầy đủ các lớp tập huấn kỹ thuật nhằm nâng cao trình độ kỹ thuật. Tích cực học hỏi các hộ sản xuất tiên tiến để có thêm kiến thức cho phát triển sản xuất, đặc biệt là trong sản xuất lạc.

Tích cực tìm hiểu các thông tin về thị trường giá cả, nhằm có kiến thức thêm về thị trường, tránh bị tư thương ép giá.

Mỗi một thành viên đều phải có trách nhiệm bảo vệ hệ thống kênh mương thủy lợi và đường giao thông nội đồng.

Yêu cầu xã viên thực hiện thanh toán các khâu dịch vụ của HTX để tăng lợi nhuận góp phần xây dựng cơ sở hạ tầng phục vụ sản xuất.

** Đối với UBND Phường*

UBND phường cần có các chế độ ưu đãi hợp lý đối với các cán bộ khuyến nông để khuyến khích họ làm việc có hiệu quả hơn. Hơn nữa, hệ thống khuyến nông còn rất ít, hoạt động lại không thường xuyên, vì vậy cần phải tăng cường cán bộ khuyến nông, đặc biệt là khuyến khích để tăng cường các khuyến nông tự nguyện.

Đặc biệt là trong những năm tới phường cần phải đầu tư nhiều hơn nữa để phát triển cơ sở hạ tầng, hệ thống kênh mương cần được đảm bảo để đáp ứng đầy đủ nhu cầu cho sản xuất nông nghiệp.

Tích cực tìm kiếm các đối tác bên ngoài nhằm bao tiêu sản phẩm cho người dân, cho người vay vốn, đặc biệt là các hộ nghèo mà không cần thế chấp, có thể cho vay bằng vật tư nông nghiệp.

** Với nhà nước*

Nhà nước cần có các chính sách giá cả hợp lý, đặc biệt là các chính sách về giá đầu vào cho sản xuất nông nghiệp cũng như là giá hàng nông sản bán ra để khuyến khích người dân yên tâm sản xuất.

Nhà nước cần tìm các mối quan hệ với các nước bên ngoài nhằm tìm kiếm các hợp đồng tiêu thụ sản phẩm, giải quyết đầu ra cho người dân để họ tích cực áp dụng các tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất, nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm.

Nhà nước cần có các chủ trương cho người dân vay vốn với lãi suất thấp để họ có vốn đầu tư cho trồng trọt và phát triển chăn nuôi, nhằm nâng cao thu nhập cho người dân.

Tăng cường các dự án đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, đặc biệt là với người dân nơi đây để tạo động lực cho sản xuất phát triển.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Báo cáo tổng kết hoạt động sản xuất kinh doanh dịch vụ HTX nông nghiệp Hương An các năm 2012-2015
2. Báo cáo tổng kết hoạt động sản xuất kinh doanh dịch vụ nhiệm kỳ 2009-2014
3. Đánh giá hiệu quả kinh tế sản xuất lạc vụ Đông Xuân ở xã Thạch Mỹ huyện Lộc Hà tỉnh Hà Tĩnh
4. Tổng cục thống kê tỉnh Thừa Thiên Huế (Email: thuathienhue@gso.gov.vn)
5. Tổng cục thống kê <http://gso.gov.vn>
6. Website Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn: <http://www.agroviet.gov.vn>

PHỤ LỤC

MÃ PHIẾU:.....

PHIẾU ĐIỀU TRA HỘ CANH TÁC LẠC

ĐỀ TÀI: “HIỆU QUẢ KINH TẾ CANH TÁC LẠC Ở

PHƯỜNG HƯƠNG AN, THỊ XÃ HƯƠNG TRÀ TỈNH THỪA THIÊN HUẾ”

Người phỏng vấn: Nguyễn Thị Hồng Yến

Ngày:...../...../.....

Để kết quả phân tích và giải pháp phù hợp với tình hình thực tiễn của địa phương kính mong các hộ cung cấp thông tin đầy đủ theo thực tiễn sản xuất của gia đình.

Trân trọng cảm ơn.

I. Thông tin tổng quát:

1. Họ tên chủ hộ:.....

2. Địa chỉ:.....

Giới tính:..... Tuổi:.....

3. Tình hình nhân khẩu và lao động của hộ:

Số người đang sống trong gia đình:.....

Tổng số lao động:.....

Trong đó:

+ lao động nông nghiệp:...

+ lao động phi nông nghiệp.....

II. THÔNG TIN VỀ CANH TÁC LẠC CỦA CÁC NÔNG HỘ TRONG NĂM 2015

A. Tình hình trang bị tư liệu sản xuất:

Loại	ĐVT	Số lượng
Máy bơm nước	Cái	
Máy cày	Cái	
Bình phun thuốc	Cái	
Xe cải tiến	Cái	
Tư liệu khác		

B. Chi phí hoạt động canh tác lạc (BQ/sào)

1. Chi phí trung gian

Diện tích.....(sào)

Chỉ tiêu	ĐVT	Số lượng	Đơn giá(1000đ)	Thành tiền (1000đ)
A. Chi phí vật tư				
1. Giống	Kg			
2. Phân bón	Kg			
- Phân đạm	Kg			
- Phân lân	Kg			
- Phân kali	Kg			
- Phân NPK	Kg			
3. Vôi	1000đ			
4. Thuốc BVTV	1000đ			
B. Chi phí dịch vụ				
1. Phí cày bừa	1000đ			
2. Thủy lợi phí	1000đ			
3. Công lao động thuê	Công			

2. Chi phí tự có

Chỉ tiêu	ĐVT	Số lượng	Thành tiền (1000đ)
1. Công lao động gia đình	Công		
- Công gieo	Công		
- Công làm cỏ, un chân	Công		
- Công bón phân	Công		
- Công phun thuốc	Công		
- Công thu hoạch	Công		
2. Phân chuồng	Kg		

C. Giống lạc, năng suất, sản lượng

Chỉ tiêu	Giống lạc	Năng suất (kg/sào)	Sản lượng (kg/hộ)
Lạc			

D. Tiêu thụ

Kênh tiêu thụ	Số lượng (kg)	Tỉ trọng (%)
Tổng số		
1. Nông hộ→Tiêu dùng gia đình		
2. Nông hộ →Người tiêu dùng		
3. Nông hộ→Tur thương→Người tiêu dùng		

9. Ý kiến của ông bà về giá lạc hiện nay như thế nào?

.....

Tăng

Giảm

10. Ông/bà có đề xuất kiến nghị gì với chính quyền địa phương để phát triển và nâng cao hiệu quả canh tác lạc trên địa bàn:

.....

Xin chân thành cảm ơn ông (bà) đã cung cấp thông tin!